

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN CẤP ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.



# BẢN CÁO BẠCH

## CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

(Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4103000801 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. HCM cấp lần đầu ngày 24/01/2002, đăng ký thay đổi lần 10 ngày 21/01/2010)

### NIÊM YẾT CỔ PHIẾU

### TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

(Đăng ký niêm yết số: 480/QĐ-SGDHN  
do Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội cấp ngày 16. tháng 07. năm 2010)

#### TỔ CHỨC TƯ VẤN

#### CÔNG TY CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG ĐÔNG Á

Bản cáo bạch này và các tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp tại:

**1. Công ty Cổ phần Hải Minh**

- Trụ sở: Tầng 4, Tòa nhà Cảng Sài Gòn, 3 Nguyễn Tất Thành, Phường 12, Quận 4, TP.HCM

**2. Công ty Chứng khoán Ngân hàng Đông Á**

- Trụ sở chính: 56 - 68 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, TP. HCM.
- Chi nhánh Chợ Lớn: 110C Ngô Quyền, Quận 5, TP. HCM
- Chi nhánh Hà Nội: 57 Quang Trung, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Phụ trách công bố thông tin:

Họ tên: Ông Nguyễn Thành Chương – Chức vụ: Giám đốc

# **CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH**

(Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4103000801 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. HCM cấp lần đầu ngày 24/01/2002, đăng ký thay đổi lần 10 ngày 21/01/2010)

## **NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

<b>Tên cổ phiếu</b>	: Công ty Cổ phần Hải Minh
<b>Mệnh giá</b>	: 10.000 đồng /cổ phần
<b>Tổng số lượng niêm yết</b>	: 5.438.790 cổ phần
<b>Tổng giá trị niêm yết</b>	: 54.387.900.000 đồng (theo mệnh giá)

### **TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:**

❖ **Công ty TNHH Kiểm Toán D.T.L**

Địa chỉ: Lầu 5 Cao ốc Sài Gòn 3, số 140 Nguyễn Văn Thủ, Quận 1, TP. HCM

Điện thoại: (08) 3827 5026 Fax: (08) 3827 5027

### **TỔ CHỨC TƯ VẤN:**

❖ **Công ty Chứng khoán Ngân hàng Đông Á**

***Trụ sở chính***

Địa chỉ: 56 – 68 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, TP.HCM

Điện thoại: (08) 3821 8666 Fax: (08) 3821 4891

Website: [www.dag.vn](http://www.dag.vn) Email: [dag@dag.vn](mailto:dag@dag.vn)

***Chi nhánh Chợ Lớn***

Địa chỉ: 110C Ngô Quyền, Quận 5, TP.HCM

Điện thoại: (08) 3853 9623 Fax: (8) 3853 5155

***Chi nhánh tại Hà Nội***

Địa chỉ: 57 Quang Trung, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Điện thoại: (04) 3944 5175 Fax: (04) 3944 5178

# MỤC LỤC



<b>I.</b>	<b>CÁC NHÂN TỐ RỦI RO .....</b>	<b>6</b>
1.	Rủi ro kinh tế.....	6
2.	Rủi ro pháp luật .....	7
3.	Rủi ro đặc thù.....	7
4.	Rủi ro tỷ giá .....	8
5.	Rủi ro khác .....	8
<b>II.</b>	<b>NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH.....</b>	<b>9</b>
1.	Tổ chức niêm yết .....	9
2.	Tổ chức tư vấn:.....	9
<b>III.</b>	<b>CÁC KHÁI NIỆM .....</b>	<b>10</b>
<b>IV.</b>	<b>TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT.....</b>	<b>11</b>
1.	Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển .....	11
	1.1. Giới thiệu chung về công ty.....	11
	1.2. Quá trình hình thành và phát triển.....	12
	1.3. Một số đối tác chính của Công ty.....	15
2.	Cơ cấu tổ chức của Công ty.....	16
	2.1. Trụ sở công ty.....	16
	2.2. Các công ty con .....	16
	2.3. Các công ty liên doanh, liên kết .....	17
3.	Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty.....	17
	3.1. Đại hội đồng cổ đông .....	17
	3.2. Hội đồng quản trị .....	18
	3.3. Ban kiểm soát .....	18
	3.4. Ban Giám đốc.....	19
	3.5. Các phòng chuyên môn, nghiệp vụ.....	19
4.	Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty, Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ .....	22
	4.1. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty.....	22
	4.2. Danh sách cổ đông sáng lập .....	22
	4.3. Cơ cấu vốn cổ phần trước khi niêm yết.....	23
5.	Danh sách những công ty mẹ và công ty con của Tổ chức niêm yết; Các công ty mà Tổ chức niêm yết đang nắm quyền kiểm soát và chi phối và các công ty liên doanh liên kết .....	24
	5.1. Danh sách các Công ty nắm giữ quyền kiểm soát và cổ phần chi phối Hải Minh.....	24

5.2. Danh sách các Công ty mà Hải Minh đang nắm giữ quyền kiểm soát và chi phối.....	24
5.3. Danh sách các công ty liên doanh liên kết.....	26
<b>6. Hoạt động kinh doanh .....</b>	<b>27</b>
6.1. Sản phẩm, dịch vụ chính.....	27
6.2. Doanh thu, lợi nhuận của sản phẩm/dịch vụ qua các năm .....	30
6.3. Nguyên vật liệu.....	34
6.4. Chi phí sản xuất.....	36
6.5. Năng lực vận chuyển, năng lực lưu kho bãi.....	37
6.6. Hoạt động Marketing .....	38
6.7. Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền.....	38
6.8. Các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết .....	39
<b>7. Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2007, 2008 và 2009 .....</b>	<b>39</b>
7.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.....	39
7.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh.....	41
<b>8. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành.....</b>	<b>42</b>
8.1. Vị thế của công ty trong ngành.....	42
8.2. Triển vọng phát triển của ngành .....	43
<b>9. Chính sách đối với người lao động .....</b>	<b>44</b>
9.1. Số người lao động trong Công ty .....	44
9.2. Chính sách đào tạo, lương thưởng, trợ cấp .....	45
<b>10. Chính sách cổ tức .....</b>	<b>45</b>
<b>11. Tình hình tài chính.....</b>	<b>46</b>
11.1. Các chỉ tiêu cơ bản.....	46
11.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu .....	52
<b>12. Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng .....</b>	<b>52</b>
12.1. Hội đồng quản trị .....	53
12.2. Ban Giám đốc .....	60
12.3. Ban Kiểm soát.....	60
12.4. Kế toán trưởng.....	63
<b>13. Tài sản .....</b>	<b>64</b>
13.1. Tài sản cố định hữu hình.....	64
13.2. Tài sản cố định vô hình .....	65
13.3. Danh sách các bất động sản của Công ty .....	65
<b>14. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức.....</b>	<b>66</b>
14.1. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức.....	66
14.2. Kết quả kinh doanh dự kiến của toàn Công ty .....	66
<b>15. Căn cứ để đạt được kế hoạch lợi nhuận và cổ tức nói trên.....</b>	<b>67</b>
15.1. Công tác tổ chức, quản lý.....	67

15.2. Công tác huy động vốn và niêm yết cổ phiếu trên sàn Giao dịch Chứng khoán.....	67
15.3. Công tác quản lý và khai thác hệ thống cơ sở vật chất, trang thiết bị.....	68
15.4. Hoạt động sản xuất kinh doanh.....	68
15.5. Các dự án đầu tư khác.....	70
<b>16. Kế hoạch phát hành tăng vốn điều lệ.....</b>	<b>70</b>
<b>17. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức của HẢI MINH</b>	<b>72</b>
<b>18. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Tổ chức niêm yết.....</b>	<b>72</b>
<b>19. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả cổ phiếu niêm yết.....</b>	<b>72</b>
<b>V. CỔ PHIẾU NIÊM YẾT.....</b>	<b>73</b>
1. Loại cổ phiếu.....	73
2. Mệnh giá.....	73
3. Tổng số cổ phiếu đăng ký niêm yết.....	73
4. Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của tổ chức đăng ký niêm yết.....	73
4.1. Hạn chế chuyển nhượng của cổ đông sáng lập.....	73
4.2. Hạn chế chuyển nhượng của thành viên chủ chốt.....	73
5. Phương pháp tính giá – giá sổ sách.....	74
6. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài.....	74
7. Các loại thuế có liên quan.....	74
7.1. Thuế thu nhập doanh nghiệp.....	74
7.2. Thuế giá trị gia tăng.....	75
7.3. Các loại thuế khác.....	75
<b>VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN ĐẾN VIỆC NIÊM YẾT.....</b>	<b>76</b>
1. Tổ chức tư vấn.....	76
2. Tổ chức kiểm toán:.....	76
<b>VII. PHỤ LỤC.....</b>	<b>77</b>

## I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

### 1. Rủi ro kinh tế

Trong những năm qua, kinh tế Việt Nam có tốc độ tăng trưởng khá cao và ổn định, tỷ lệ tăng trưởng GDP năm 2005 đạt 8,4%, năm 2006 đạt 8,2%, năm 2007 là gần 8,5%, năm 2008 đạt 6,23% và năm 2009 đạt 5,32%<sup>1</sup>.

Trải qua những bất ổn kinh tế từ cuối năm 2007 và những tháng đầu năm 2008, tiếp đến là khủng hoảng tài chính ở Mỹ đã ảnh hưởng không nhỏ đến tăng trưởng kinh tế Việt Nam. Cụ thể là GDP năm 2008 giảm xuống chỉ còn 6,23%. Tuy nhiên, kinh tế Việt Nam đang dần dần hồi phục thể hiện ở các chỉ số kinh tế vĩ mô ấn tượng. GDP Quý 3 năm 2009 đạt 6,04% và Quý 4 đạt 6,9% cao nhất trong các quý kể từ đầu năm 2008 và cả năm đã đạt được 5,32%<sup>2</sup>.

Theo thống kê, chu kỳ kinh tế 10 năm (1990-1999 và 2000-2009), thì năm 2010 sẽ là năm hồi phục của nền kinh tế Việt Nam từ mức đáy 2009. Xu hướng tăng trưởng nhu cầu tiêu dùng nội địa và nhu cầu nhập khẩu của nước ngoài khi kinh tế thế giới dần phục hồi sẽ kích thích các nhà sản xuất trong nước mạnh tay trong việc đầu tư máy móc thiết bị phục vụ sản xuất kinh doanh, chuyển hướng phục vụ tốt hơn nhu cầu nội địa và phát triển thêm các thị trường mới. Đồng thời, đầu tư cơ sở hạ tầng giao thông và năng lượng tiếp tục đẩy mạnh đầu tư và đưa vào khai thác là cơ sở cho sự phát triển của kinh tế quốc gia.

Như vậy, xét về trung và dài hạn, nền kinh tế Việt Nam tiếp tục có triển vọng phát triển cao và ổn định tạo môi trường thuận lợi cho các doanh nghiệp phát triển.

Đối với các công ty hoạt động trong lĩnh vực giao nhận, vận tải, sự biến động của các yếu tố kinh tế vĩ mô tác động nhanh, mạnh đến hoạt động sản xuất kinh doanh. Khi nền kinh tế suy thoái, nhu cầu về hàng hóa giảm mạnh dẫn đến lưu lượng hàng hóa giao thương giữa các nước, các khu vực giảm từ đó làm giảm doanh thu trong lĩnh vực giao nhận, vận tải. Ngược lại, nền kinh tế phát triển sẽ tạo tiền đề gia tăng lưu lượng hàng hóa giao thương giữa các nước, từ đó nhu cầu đối với dịch vụ giao nhận, vận tải tăng theo.

Thời gian vừa qua, Công ty Cổ phần Hải Minh (HẢI MINH), cũng bị ảnh hưởng không nhỏ từ sự bất ổn của nền kinh tế trong nước và trong khu vực. Những tín hiệu

<sup>1</sup> Nguồn: Tổng cục thống kê ([www.gos.gov.vn](http://www.gos.gov.vn))

<sup>2</sup> Nguồn: Tổng cục thống kê ([www.gos.gov.vn](http://www.gos.gov.vn))

lạc quan từ nền kinh tế trong nước cũng như trên thế giới cho thấy rủi ro kinh tế vĩ mô đến hoạt động của Công ty về trung dài hạn là ở mức thấp.

## **2. Rủi ro pháp luật**

Luật và các văn bản dưới luật mà các hoạt động của HẢI MINH thuộc phạm vi điều chỉnh tuy đã có nhiều cố gắng hoàn thiện trong thời gian qua nhưng vẫn còn trong tình trạng thiếu thống nhất và vướng mắc trong thực hiện. Do vậy HẢI MINH sẽ bị ảnh hưởng đến hoạt động nếu có các phát sinh rơi vào những điều chỉnh như thế này. Cùng với sự phát triển của kinh tế xã hội, tất yếu hệ thống luật pháp cũng cần có sự phát triển tương xứng. Sự thay đổi có thể mang đến những thuận lợi nhưng cũng có thể tạo ra những bất lợi cho hoạt động của Công ty. Tuy nhiên, Công ty đang hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ cảng, dịch vụ vận tải biển, dịch vụ mang tính chiến lược đối với quốc gia. Chính vì vậy, bất cứ sự điều chỉnh hoặc thay đổi trong chính sách nào cũng sẽ được cân nhắc một cách thận trọng. Do đó, rủi ro về pháp lý của Công ty là không cao.

Ngoài ra, là công ty cổ phần đại chúng với định hướng niêm yết, hoạt động của Công ty còn chịu sự điều chỉnh trực tiếp của các văn bản pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán. Luật và các văn bản dưới luật trong lĩnh vực này đang trong quá trình hoàn thiện, sự thay đổi về mặt chính sách luôn có thể xảy ra và khi xảy ra thì sẽ ít nhiều ảnh hưởng đến hoạt động quản trị, kinh doanh của doanh nghiệp.

## **3. Rủi ro đặc thù**

Hoạt động kinh doanh của HẢI MINH chủ yếu ở lĩnh vực dịch vụ kho bãi, dịch vụ cảng, dịch vụ vận tải đường bộ và đường sông. Lĩnh vực hoạt động này phụ thuộc vào tình hình phát triển nền kinh tế cũng như tình hình xuất nhập khẩu của Việt Nam. Bên cạnh đó, hoạt động kinh doanh còn chịu ảnh hưởng lớn từ sự tăng trưởng, ổn định của kinh tế thế giới, diễn biến giá nhiên liệu, chính sách tỷ giá hối đoái của mỗi quốc gia. Ngoài ra, hoạt động trong lĩnh vực giao nhận vận tải còn phụ thuộc vào sự phát triển của các ngành công nghiệp hỗ trợ như: công nghiệp đóng tàu, cảng biển, cơ sở hạ tầng cứng, cơ sở hạ tầng mềm... Đối với lĩnh vực giao nhận, vận tải, các yếu tố kể trên có thể coi đó là những yếu tố đặc thù tác động trực tiếp đến sự phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh của các Doanh nghiệp.

**4. Rủi ro tỷ giá**

Hoạt động của HẢI MINH có một bộ phận lớn doanh thu từ hoạt động dịch vụ đại lý tàu, vận tải quốc tế nên kết quả hoạt động của Công ty sẽ chịu ảnh hưởng và tác động do sự biến động của tỷ giá. Nhìn chung, ảnh hưởng của biến động tỷ giá đến hoạt động của Công ty không gây ra một sự bất lợi quá lớn, vì HẢI MINH chủ yếu thu ngoại tệ, ít có nguồn chi ngoại tệ. Nên sự biến động gây khi tỷ giá tăng cũng đồng thời là thuận lợi cho hoạt động của Hải Minh. Tuy nhiên, thuận lợi hoặc khó khăn sẽ phụ thuộc vào xu hướng biến động của ngoại tệ và sự điều hành của Nhà nước.

**5. Rủi ro khác**

Bên cạnh các rủi ro mang tính cá biệt của riêng HẢI MINH và của các ngành nghề HẢI MINH hoạt động, Công ty cũng như các đơn vị kinh tế khác cũng sẽ bị ảnh hưởng và bị tổn thất nếu xảy ra các rủi ro bất khả kháng. Các rủi ro như thiên tai, hỏa hoạn là những rủi ro bất khả kháng, nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại cho tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của HẢI MINH như các doanh nghiệp khác trong nền kinh tế.



**II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH****1. Tổ chức niêm yết****CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH**

**Ông Nguyễn Quốc Hùng** Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng Quản trị

**Ông Nguyễn Thành Chương** Chức vụ: Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc

**Ông Nguyễn Thế Hưng** Chức vụ: Kế toán trưởng

**Ông Nguyễn Thế Quân** Chức vụ: Trưởng Ban kiểm soát

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

**2. Tổ chức tư vấn:****CÔNG TY CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG ĐÔNG Á**

Đại diện theo pháp luật: Ông **Bùi Việt**

Chức vụ: Tổng Giám đốc

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký niêm yết do Công ty Chứng khoán Ngân hàng Đông Á tham gia lập trên cơ sở hợp đồng tư vấn với Công ty Cổ phần Hải Minh. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty Cổ phần Hải Minh cung cấp.


**III. CÁC KHÁI NIỆM**

- Công ty : Công ty Cổ phần Hải Minh
- HẢI MINH : Công ty Cổ phần Hải Minh
- DAS : Công ty Chứng khoán Ngân hàng Đông Á
- BTC : Bộ Tài chính
- Luật Chứng khoán : Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29/06/2006
- ND 14/NĐ-CP : Nghị định số 14/2007/NĐ-CP ngày 19/01/2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán
- HĐQT : Hội đồng Quản trị
- BKS : Ban kiểm soát
- ĐHĐCĐ : Đại hội đồng cổ đông
- SGDCK : Sở Giao dịch Chứng khoán
- UBCKNN : Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- TSCĐ : Tài sản cố định
- TP. HCM : Thành phố Hồ Chí Minh
- CNĐKKD : Chứng nhận đăng ký kinh doanh
- ICD : Inland Container Depot. Cảng cạn
- Teu : Twenty-foot equivalent units. Đơn vị đo hàng hóa được container hóa tương đương với một container tiêu chuẩn 20 feet (dài) × 8 feet (rộng) × 8,5 feet (cao) (khoảng 39 m<sup>3</sup> thể tích).
- Điều lệ Công ty : Điều lệ Tổ chức và Hoạt động Công ty Cổ phần Hải Minh
- CFS : Container Freight Station. Kho thu gom hàng lẻ

#### **IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT**

##### **1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển**

###### **1.1. Giới thiệu chung về công ty**

- ❖ Tên Công ty : **CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH.**
- ❖ Tên tiếng Anh : **HAI MINH CORPORATION.**
- ❖ Tên viết tắt : **HAMI CORP**
- ❖ Trụ sở chính : Tầng 4, Toà nhà Cảng Sài Gòn, 3 Nguyễn Tất Thành, Phường 12, Quận 4, TP.HCM
- ❖ Điện thoại : (08) 3943 5447
- ❖ Fax : (08) 3943 5446
- ❖ Logo công ty : 
- ❖ Website : [www.haiminh.com.vn](http://www.haiminh.com.vn)
- ❖ Email : [haiminhgroup@vnn.vn](mailto:haiminhgroup@vnn.vn)
- ❖ Giấy CNĐKKD : Số 4103000801 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. HCM cấp lần đầu ngày 24/01/2002, đăng ký thay đổi lần 10 ngày 21/01/2010.
- ❖ Vốn ĐL đăng ký : 100.000.000.000 đồng
- ❖ Vốn thực góp : 56.163.800.000 đồng
- ❖ Tài khoản : 1.4211.0.00.007732.7 tại Ngân hàng INDOVINA BANK
- ❖ Ngành nghề kinh doanh: Theo Giấy CNĐKKD số 4103000801 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. HCM cấp lần đầu ngày 24/01/2002, đăng ký thay đổi lần 10 ngày 21/01/2010, ngành nghề Công ty được phép kinh doanh bao gồm:
  - ✓ Vận tải nội địa và quốc tế;
  - ✓ Kho vận và phân phối;
  - ✓ Khai thác cảng, cho thuê kho bãi, dịch vụ đại lý hàng hải;
  - ✓ Sửa chữa và kinh doanh các thiết bị xếp dỡ chuyên dụng, container;

- ✓ Xây dựng cầu cảng, bến bãi, công trình dân dụng và công nghiệp;
- ✓ Đại lý tàu biển;
- ✓ Cho thuê thiết bị chuyên dùng trong bốc xếp, vận chuyển;
- ✓ Sản xuất, mua bán máy móc thiết bị chuyên dùng trong công nghiệp;
- ✓ Mua bán xe chuyên dùng....

### **1.2. Quá trình hình thành và phát triển**

Ngày 24/01/2002 Công ty Cổ phần Hải Minh chính thức thành lập theo Giấy CNĐKKD số 4103000801 do Sở Kế hoạch Đầu tư TP. HCM cấp với vốn điều lệ ban đầu là 1,5 tỷ đồng. Công ty được thành lập bởi mười một cổ đông sáng lập hoạt động đa lĩnh vực bao gồm: Vận tải nội địa và quốc tế; Kho vận và phân phối; Khai thác cảng và dịch vụ đại lý hàng hải, hàng không; Sửa chữa và kinh doanh các thiết bị xếp dỡ chuyên dụng; Xây dựng cầu cảng, bến bãi, công trình dân dụng và công nghiệp.

Kinh nghiệm lâu năm trong lĩnh vực hàng hải của HĐQT, Ban Giám đốc là một lợi thế kinh doanh của Công ty. Thời gian qua, Công ty đã phát huy tốt lợi thế của mình để không ngừng nâng cao qui mô lẫn hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm đảm bảo tốc độ phát triển của nền kinh tế đất nước, đảm bảo hiệu quả cao cho đồng vốn của cổ đông. Công ty hiện nay đang bước vào giai đoạn phát triển thịnh vượng nhất với uy tín trên thị trường ngày càng mở rộng và nâng cao, phạm vi hoạt động kinh doanh rộng, qui mô về vốn và doanh thu cũng như lợi nhuận ngày càng lớn.

Qua một chặng đường phát triển, một số cột mốc đáng chú ý như sau:

- 01/2002 : Thành lập Công ty Cổ phần Hải Minh
- 06/2005 : Thành lập công ty thành viên đầu tiên – Công ty Hải Thanh Thanh
- 08/2005 : Thành lập liên doanh đầu tiên – Hoàng Nam Logistics
- 10/2006 : Thành lập Công ty TNHH “K” Line (Việt Nam) là Công ty liên doanh giữa Công ty Cổ phần Hải Minh và hãng tàu “K” Line Nhật Bản.
- 02/2007 : Đưa vào hoạt động 02 bãi container rỗng tại TP. HCM
- 03/2007 : Nâng vốn điều lệ lên 29,2 tỷ đồng
- 04/2007 : Đưa ICD Nam Phát 23.000 m<sup>2</sup> tại Hải Phòng vào hoạt động

- 04/2007 : Mở tuyến vận tải container bằng đường thủy Hồ Chí Minh – Campuchia
- 05/2007 : Liên kết liên doanh với Công ty Cổ phần Cung ứng và Dịch vụ Kỹ thuật Hàng Hải (Maserco), Công ty Cổ phần Xây dựng và Vận tải Hải Đăng, Công ty Cổ phần Cảng Quốc tế Sao Biển (SSIP)
- 09/2007 : Vận hành tàu sông lớn nhất Việt Nam (72 & 84 TEUs)
- 10/2007 : Nâng vốn điều lệ lên 49,3 tỷ đồng
- 06/2008 : Nâng vốn điều lệ lên 56,2 tỷ đồng
- 08/2008 : Tham gia thành lập Công ty cổ phần xếp dỡ Hải An
- 10/2008 : Hoàn thành đăng ký đại chúng với UBCKNN

**Quá trình tăng vốn của công ty:**

Stt	Thời gian	Vốn điều lệ tăng thêm	Vốn điều lệ thực góp	Nội dung chính
1	T01/2002	1,5 tỷ đồng	1,5 tỷ đồng	Vốn điều lệ khi thành lập công ty cổ phần
2	T03/2004	1,5 tỷ đồng	3,00 tỷ đồng	Nghị quyết ĐHCĐ ngày 31/03/2004 Phương thức phát hành: tỷ lệ 1:1 Đối tượng phát hành: Cổ đông hiện hữu Giá phát hành: 10.000 đ/cổ phần
3	T07/2005	6,45 tỷ đồng	9,45 tỷ đồng	Nghị quyết HĐQT ngày 02/06/2005 Phương thức phát hành: Phát hành cho cán bộ công nhân viên và các đối tượng khác Giá phát hành: 10.000 đ/cổ phần
4	T07/2006	6,04 tỷ đồng	15,49 tỷ đồng	Nghị quyết HĐQT ngày 17/07/2006 Phương thức phát hành: Phát hành cho cán bộ công nhân viên và các đối tượng khác Giá phát hành: 10.000 đ/cổ phần

Stt	Thời gian	Vốn điều lệ tăng thêm	Vốn điều lệ thực góp	Nội dung chính
5	T09/2006	8,35 tỷ đồng	23,84 tỷ đồng	Nghị quyết HĐQT ngày 15/09/2006 Phương thức phát hành: Phát hành cổ đông hiện hữu tỷ lệ 2:1, số lượng phát hành: 797.750 cổ phần. Phát hành cho cán bộ CNV, đối tượng khác, số lượng phát hành: 37.000 cổ phần. Giá phát hành: 10.000 đ/cổ phần.
6	T02/2007	7,13 tỷ đồng	30,97 tỷ đồng	Nghị quyết ĐHCĐ ngày 10/02/2007 Phương thức phát hành: Phát hành cổ đông hiện hữu tỷ lệ 8:1, số lượng phát hành: 297.339 cổ phiếu, giá phát hành 20.000 đ/cổ phần. Chia cổ tức bằng cổ phiếu tỉ lệ 10%, số lượng phát hành: 238.422 cổ phần. Phát hành cổ phần ưu đãi cổ tức cho tác chiến lược, số lượng phát hành: 177.590 cổ phần, giá phát hành: 10.000 đ/cổ phần.
7	T08/2007	15,37 tỷ đồng	46,34 tỷ đồng	Nghị quyết HĐQT ngày 02/08/2007 Phương thức phát hành: Phát hành cổ đông hiện hữu tỷ lệ 4:1, số lượng phát hành: 731.128 cổ phần, giá phát hành 20.000 đ/cổ phần. Phát hành cho đối tác chiến lược, số lượng phát hành: 200.000 cổ phần, giá phát hành: 25.000 đ/cổ phần. Phát hành cho cán bộ chủ chốt, nhân viên và các đối tượng khác, số lượng phát hành: 605.500 cổ phần, giá phát hành: 20.000 đ/cổ phần.

Stt	Thời gian	Vốn điều lệ tăng thêm	Vốn điều lệ thực góp	Nội dung chính
8	T10/2007	2,9 tỷ đồng	49,33 tỷ đồng	Nghị quyết ĐHCĐ ngày 06/10/2007 Chuyển trái phiếu chuyển đổi thành cổ phần phổ thông. Số lượng trái phiếu chuyển đổi: 292.845 trái phiếu, tỷ lệ chuyển đổi: 1:1
9	T05/2008	6,83 tỷ đồng	56,16 tỷ đồng	Nghị quyết HĐQT ngày 09/05/2008 Chuyển trái phiếu chuyển đổi thành cổ phần phổ thông. Số lượng trái phiếu chuyển đổi: 683.306 trái phiếu, tỷ lệ chuyển đổi: 1:1

Ngày 26/12/2008 Ủy Ban chứng khoán Nhà nước đã có quyết định 134/QĐ-TT xử phạt vi phạm hành chính đối với Công ty về việc phát hành cổ phần. Công ty Hải Minh đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ nộp phạt theo quyết định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

### 1.3. Một số đối tác chính của Công ty



KAWASAKI KISEN KAISHA – NHẬT BẢN



WAI HAI LINES LTD.

WAI HAI LINES – ĐÀI LOAN



T.S. LINE – HỒNG KÔNG



NIPPON YUSEN KAISHA – NHẬT BẢN



MITSUI O.S.K – NHẬT BẢN



HANJIN SHIPPING – HÀN QUỐC



VINABRIGDE - Công ty Liên doanh Khai thác Container Việt Nam

## 2. Cơ cấu tổ chức của Công ty

Cơ cấu tổ chức của Công ty được tổ chức theo mô hình tương đối đơn giản và hiệu quả, bao gồm Trụ sở làm việc và các công ty con, công ty liên doanh liên kết.

### 2.1. Trụ sở công ty

- Địa chỉ : Tầng 4, Toà nhà Cảng Sài Gòn, 3 Nguyễn Tất Thành, Phường 12, Quận 4, TP.HCM
- Điện thoại : (08) 3943 5447 Fax : (08) 3943 5446
- Website : [www.haiminh.com.vn](http://www.haiminh.com.vn)
- Email : [haiminhgroup@vnn.vn](mailto:haiminhgroup@vnn.vn)

### 2.2. Các công ty con

#### a. Công ty TNHH MTV Hải Minh Hải Phòng

- Địa chỉ : Km 103 Đường bao Nguyễn Bình Khiêm, Hải An, Hải Phòng
- Điện thoại : (031) 3979 946 Fax: (031) 3979 947

#### b. Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát

- Địa chỉ: Số 74 Đường Bao Trần Hưng Đạo, Hải Phòng
- Điện thoại : (031) 3825 393 Fax: (031) 3741 346

#### c. Công ty Liên doanh Tiếp Vận Hoàng Nam

- Địa chỉ : Số 57 - 59 Hồ Tùng Mậu, Quận 1, TP. HCM
- Điện thoại: (08) 3914 6395 Fax: (08) 3914 6396



**2.3. Các công ty liên doanh, liên kết****a. ‘K’ Line (Vietnam)**

- Địa chỉ : Số 60A Nguyễn Chí Thanh, Hà Nội

**b. Công ty Hải Thanh Thanh**

- Địa chỉ : 17/1 Trần Bình Trọng, Quận Bình Thạnh, TP. HCM

**3. Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty**

Công ty Cổ phần Hải Minh có tư cách pháp nhân, hoạt động theo Điều lệ Công ty đã được ĐHĐCĐ thông qua và tuân thủ theo Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2005 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam. Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty được tổ chức như sau:

**3.1. Đại hội đồng cổ đông**

ĐHĐCĐ là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. ĐHĐCĐ thường niên được tổ chức mỗi năm một lần và phải họp thường niên trong thời hạn bốn tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. ĐHĐCĐ có quyền hạn và nhiệm vụ:

- Thông qua Báo cáo tài chính kiểm toán hàng năm, Báo cáo của Ban kiểm soát về tình hình Công ty, Báo cáo của HĐQT;
- Thông qua kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty;
- Thông qua mức cổ tức được thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó với điều kiện là mức cổ tức này không cao hơn mức mà HĐQT đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại Đại hội cổ đông;
- Thông qua số lượng thành viên của HĐQT đồng thời bầu, bãi miễn và thay thế thành viên HĐQT và Ban kiểm soát và phê chuẩn việc HĐQT bổ nhiệm Tổng Giám đốc điều hành;
- Thông qua việc bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty;
- Thông qua việc giao dịch bán tài sản Công ty hoặc bất kỳ chi nhánh nào hoặc giao dịch mua do Công ty hoặc các chi nhánh thực hiện có giá trị từ 50% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;

- Thông qua việc chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi, tổ chức lại hoặc giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý.
- Các nhiệm vụ khác do Điều lệ Công ty quy định.

### **3.2. Hội đồng quản trị**

HĐQT là cơ quan quản lý cao nhất của Công ty giữa hai kỳ ĐHĐCĐ, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề có liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ. HĐQT có số thành viên không ít hơn 5 thành viên và không nhiều hơn 11 thành viên. Nhiệm kỳ của HĐQT là năm năm. HĐQT có quyền hạn và nhiệm vụ:

- Chịu trách nhiệm giám sát hoạt động kinh doanh, các công việc của Công ty, Tổng Giám đốc điều hành và những người quản lý khác.
- Quyết định kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hằng năm;
- Xác định các mục tiêu hoạt động và mục tiêu chiến lược trên cơ sở các mục đích chiến lược do ĐHĐCĐ thông qua;
- Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty đồng thời bổ nhiệm và bãi nhiệm các người quản lý Công ty theo đề nghị của Tổng Giám đốc điều hành và quyết định mức lương của họ;
- Quyết định giá bán trái phiếu, cổ phiếu và các chứng khoán chuyển đổi;
- Phê chuẩn việc thành lập chi nhánh, công ty con hoặc các văn phòng đại diện của Công ty;
- Phê chuẩn các khoản đầu tư không nằm trong kế hoạch kinh doanh và ngân sách vượt quá 5% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm hoặc các khoản đầu tư vượt quá 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm;
- Phê chuẩn việc Công ty mua hoặc thu hồi không quá 10% cổ phần theo từng loại;
- Các nhiệm vụ khác do Điều lệ Công ty quy định.

### **3.3. Ban kiểm soát**

Là cơ quan trực thuộc ĐHĐCĐ, do ĐHĐCĐ bầu ra. Số lượng thành viên Ban kiểm soát có từ 3 đến năm 5 thành viên. Ban kiểm soát có quyền hạn và trách nhiệm sau:

- Thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán;
- Kiểm tra các báo cáo tài chính hàng năm, sáu tháng và hàng quý trước khi đề trình Hội đồng quản trị;
- Thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như mọi vấn đề mà kiểm toán viên độc lập muốn bàn bạc;
- Xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của ban quản lý Công ty;
- Các nhiệm vụ khác do Điều lệ Công ty quy định.

### **3.4. Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty gồm Giám đốc và các Phó Giám đốc do HĐQT bổ nhiệm và bãi nhiệm. Các thành viên HĐQT được kiêm nhiệm thành viên Ban Giám đốc.

Giám đốc Công ty có quyền hạn và trách nhiệm:

- Thực hiện các Nghị quyết của HĐQT và ĐHĐCĐ, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được HĐQT và ĐHĐCĐ thông qua;
- Thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;
- Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, ngắn hạn của Công ty phục vụ hoạt động quản lý theo kế hoạch kinh doanh đã đề ra;
- Lập và trình HĐQT phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của Ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính 5 năm;
- Các nhiệm vụ khác do Điều lệ Công ty quy định.

### **3.5. Các phòng chuyên môn, nghiệp vụ**

Văn phòng Công ty hiện nay được chia làm 05 phòng chuyên môn nghiệp vụ, chịu sự quản lý trực tiếp của Giám đốc.

**a. Phòng Tổ chức hành chính**

Phòng Tổ chức hành chính có nhiệm vụ tổ chức, theo dõi, quản lý nhân sự của Công ty, chịu trách nhiệm toàn bộ về công tác tiền lương theo chế độ của nhà nước, xây dựng đơn giá tiền lương cho từng luồng tuyển vận chuyên, khảo sát định mức ngày công cho sửa chữa, tính lương phải trả hàng năm cho người lao động.

**b. Phòng Tài chính kế toán**

Phòng Tài chính kế toán có chức năng tham mưu giúp Giám đốc chỉ đạo, quản lý điều hành công tác kinh tế tài chính và hạch toán kế toán; Xúc tiến và quản lý công tác đầu tư tài chính, công tác tiền lương, tiền thưởng và các khoản thu nhập hoặc chi trả theo chế độ, chính sách đối với người lao động.

**c. Phòng Khai thác**

Phòng Khai thác thực hiện nhiệm vụ kinh doanh vận tải bộ, thủy, kho bãi theo kế hoạch và theo đơn đặt hàng với các đối tác. Tiến hành xây dựng kế hoạch kinh doanh vận tải bộ, thủy, kho bãi và triển khai thực hiện các kế hoạch kinh doanh trong từng tháng, quý, năm.

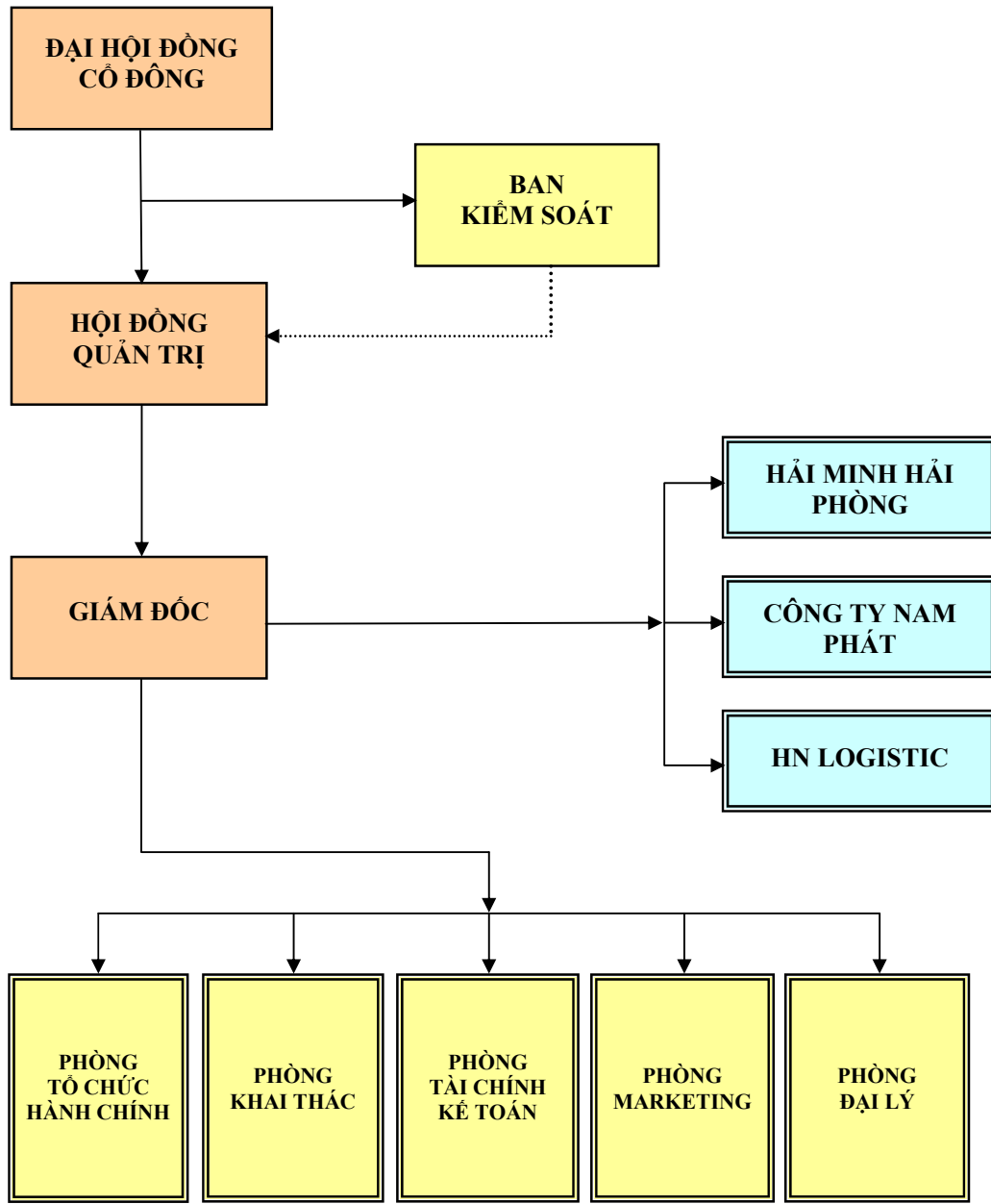
**d. Phòng Marketing**

Phòng Marketing có nhiệm vụ nắm bắt nhu cầu vận tải bộ, thủy, kho bãi và năng lực phục vụ của doanh nghiệp để có kế hoạch chào hàng, chào giá dịch vụ và phát triển lượng khách hàng hiện tại cũng như các khách hàng tiềm năng.

**e. Phòng Đại lý tàu**

Phòng Đại lý tàu thực hiện nhiệm vụ môi giới hàng hải, đại lý tàu biển; Kinh doanh và cho thuê tàu, sà lan vận tải biển, vận tải sông tuyến nội địa và quốc tế.

SƠ ĐỒ CƠ CẤU TỔ CHỨC CÔNG TY



————> Quan hệ điều hành

.....> Quan hệ giám sát

**4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty, Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ**

**4.1. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty**

Hiện nay không có cổ đông lớn nắm giữ trên 5% vốn cổ phần của Công ty.

**4.2. Danh sách cổ đông sáng lập**

Theo Giấy chứng nhận ĐKKD số 4103000801 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, đăng ký lần đầu ngày 24/01/2002, đăng ký thay đổi lần 10 ngày 21/01/2010, danh sách cổ đông sáng lập của Công ty như sau:

TT	Tên Cổ đông	Địa chỉ	Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm thành lập	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Châu Mỹ Linh	1/30 Nguyễn Công Trứ, P. Hàng Kênh, Q. Lê Chân, TP. Hải Phòng	18.000	0,18
2	Phạm Thị Liên	32 Hoàng Văn Thụ, P. Minh Khai, Q. Hồng Bàng, TP. Hải Phòng	18.000	0,18
3	Phan Văn Bình	157 Pasteur, P. 6, Q. 3, TP. HCM	18.000	0,18
4	Đặng Trần Bảo Thuý	68A Trần Hưng Đạo, P. Trần Hưng Đạo, Q. Hoàn Kiếm, Hà Nội	15.000	0,15
5	Nguyễn Hoàng Thắng	229/5 Nguyễn Văn Đậu, P. 11, Q. Bình Thạnh, TP. HCM	15.000	0,15
6	Nguyễn Thế Quân	570 Bis Bùi Đình Túy, P. 11, Q. Bình Thạnh, TP. HCM	15.000	0,15
7	Nguyễn Thị Thu Hạnh	28/3 Huỳnh Văn Bánh, P. 15, Q. Phú Nhuận, TP. HCM	15.000	0,15
8	Bùi Duy Ước	5E14 khu phố 4, P. Bình An, Q. 2, TP. HCM	9.000	0,09
9	Nguyễn Văn Phụng	92/66 Bùi Đình Túy, P. 24, Q. Bình Thạnh, TP. HCM	9.000	0,09

TT	Tên Cổ đông	Địa chỉ	Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm thành lập	Tỷ lệ sở hữu (%)
10	Phạm Thị Hội	Thôn Minh Khai, Xã Đại Tập, H. Khoái Châu, T. Hưng Yên	9.000	0,09
11	Phạm thị Như Phụng	13/6 Duy Tân, P. 15, Q. Phú Nhuận, TP. HCM	9.000	0,09
	<b>Tổng cộng</b>		<b>150.000</b>	<b>1,50</b>

Theo quy định tại Khoản 5 Điều 84 Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 thì “Trong thời hạn ba năm, kể từ ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, cổ đông sáng lập có quyền tự do chuyển nhượng cổ phần phổ thông của mình cho các cổ đông sáng lập khác, nhưng chỉ được chuyển nhượng cổ phần phổ thông của mình cho người không phải là cổ đông sáng lập nếu được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Trong trường hợp này, cổ đông dự định chuyển nhượng cổ phần không có quyền biểu quyết về việc chuyển nhượng các cổ phần đó và người nhận chuyển nhượng đương nhiên trở thành cổ đông sáng lập của Công ty. Sau thời hạn 3 năm, kể từ ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, các hạn chế đối với cổ phần phổ thông của cổ đông sáng lập bị hủy bỏ”. Công ty Cổ phần Hải Minh được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh ngày 24/01/2002, do đó, những hạn chế đối với cổ phần phổ thông của cổ đông sáng lập hiện không còn hiệu lực kể từ thời điểm 24/01/2005.

#### 4.3. Cơ cấu vốn cổ phần

Tính đến thời điểm 31/03/2009, cơ cấu vốn cổ phần của Công ty như sau:

TT	Cổ đông	Số cổ phần sở hữu	Tổng mệnh giá (đồng)	Tỷ lệ (%)
1	Cổ đông trong nước	5.438.790	54.387.900.000	96,84%
	<i>Trong đó:</i>			
	+ Cổ đông cá nhân	5.238.790	52.387.900.000	93,28%
	+ Cổ đông tổ chức	200.000	2.000.000.000	3,56%
2	Cổ đông nước ngoài	177.590	1.775.900.000	3,16%

TT	Cổ đông	Số cổ phần sở hữu	Tổng mệnh giá (đồng)	Tỷ lệ (%)
	<i>Trong đó:</i>			
	+ Cổ đông cá nhân	0	0	0
	+ Cổ đông tổ chức	177.590(*)	1.775.900.000	3,16%
	<b>Tổng</b>	<b>5.616.380</b>	<b>56.163.800.000</b>	<b>100%</b>

Nguồn: CTCP Hải Minh

(\*): Cổ phiếu ưu đãi cổ tức. Toàn bộ 177.590 cổ phiếu ưu đãi cổ tức được phát hành cho TTK Global Resources (Singapore), thời gian ưu đãi cổ tức là 5 năm kể từ thời điểm 15/02/2007 với mức cổ tức ưu đãi hàng năm là 20%. Sau thời hạn 5 năm, số cổ phiếu ưu đãi này sẽ được chuyển thành cổ phần thường.

**5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của Tổ chức niêm yết; Các công ty mà Tổ chức niêm yết đang nắm quyền kiểm soát và chi phối và các công ty liên doanh liên kết**

**5.1. Danh sách các Công ty nắm giữ quyền kiểm soát và cổ phần chi phối Hải Minh**

Không có

**5.2. Danh sách các Công ty mà Hải Minh đang nắm giữ quyền kiểm soát và chi phối**

Tính đến thời điểm 31/03/2010, Hải Minh đang nắm giữ quyền kiểm soát và chi phối 03 công ty. Đây đều là các công ty hoạt động trong lĩnh vực giao nhận, vận tải. Điều này giúp Hải Minh tận dụng được kinh nghiệm sẵn có để tham gia điều hành hiệu quả các công ty con. Các công ty con bao gồm:

**a. Công ty TNHH MTV Hải Minh Hải Phòng**

- Logo:



- Địa chỉ: Km 103 Đường bao Nguyễn Bình Khiêm, Hải An, Hải Phòng

- Điện thoại: (031) 3979 946 Fax: (031) 3979 947

- Giấy CNĐKKD: số 2024001877 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp ngày 07/01/2009.



- **Ngành nghề kinh doanh:** Sản xuất máy móc thiết bị, thân xe có động cơ, romoóc, container; Sửa chữa máy móc thiết bị, container; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng, cầu cảng, bến bãi, công trình công nghiệp; Vận tải hàng hoá bằng đường bộ, ven biển và viễn dương, đường thủy nội địa; Kho bãi, lưu giữ, bốc xếp hàng hoá; Dịch vụ đại lý tàu biển; Dịch vụ đại lý vận tải đường biển.
- **Vốn điều lệ:** 10.000.000.000 đồng
- **Vốn góp của Hải Minh:** 10.000.000.000 đồng
- **Tỷ lệ sở hữu của Hải Minh:** 100%

**b. Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát**

- **Logo:**



- **Địa chỉ:** Số 74 Đường Bao Trần Hưng Đạo, Hải Phòng
- **Điện thoại:** (031) 3825 393      **Fax:** (031) 3741 346
- **Giấy CNĐKKD:** Số 0202006749 Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 25/06/2008, thay đổi lần thứ 1 ngày 23/12/2008.
- **Ngành nghề kinh doanh:** Vận tải đường bộ, biển, hàng không, Khai thuê Hải quan; Dịch vụ giao nhận, thu gom, xếp dỡ hàng hóa; Cho thuê kho bãi; Kinh doanh Xuất nhập khẩu, xăng dầu, máy móc thiết bị phụ tùng; Tổ chức tour du lịch; Cải tạo thiết kế thi công sửa chữa, đóng mới các phương tiện cơ giới và container.
- **Vốn điều lệ thực góp của Nam Phát:** 21.484.000.000 đồng
- **Vốn góp của Hải Minh:** 20.641.480.000 đồng
- **Tỷ lệ sở hữu của Hải Minh:** 96,08%

**c. Công ty Liên doanh Tiếp Vận Hoàng Nam**

- **Logo:**




- **Địa chỉ:** Số 57 - 59 Hồ Tùng Mậu, Quận 1, TP. HCM
- **Điện thoại:** (08) 3914 6395      **Fax:** (08) 3914 6396
- **Giấy phép:** số 874/GP-HCM do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 08/06/2005
- **Ngành nghề kinh doanh:** Khai thác kho, bãi container, kho CFS; Dịch vụ tiếp vận, bốc xếp hàng hóa; Đại lý hãng tàu; Sản xuất, bảo trì, sửa chữa và vận tải container.
- **Vốn điều lệ thực góp của Hoàng Nam:** 2.369.461.500 đồng
- **Vốn góp của Hải Minh:** 1.310.182.500 đồng
- **Tỷ lệ sở hữu của Hải Minh:** 55,29%

**5.3. Danh sách các công ty liên doanh liên kết**

Tính đến thời điểm 31/03/2010, Hải Minh đang liên doanh liên kết với các công ty sau:

**a. ‘K’ Line (Vietnam)**

- **Logo:** 
- **Địa chỉ:** Số 60A Nguyễn Chí Thanh, Hà Nội
- **Giấy CNĐKKD:** 011022000099 do Bộ KH và ĐT cấp ngày 24/10/2006, thay đổi lần thứ nhất ngày 23/11/2007
- **Ngành nghề kinh doanh:** Đại lý tàu biển, đại lý hàng hải, môi giới hàng hải; Đầu tư, xây dựng và khai thác cảng; Cho thuê và kinh doanh thiết bị bốc xếp; Mua bán và cho thuê tàu.
- **Vốn điều lệ thực góp của “K” line:** 8.055.482.250 đồng
- **Vốn góp của Hải Minh:** 3.902.030.000 đồng
- **Tỷ lệ góp vốn của Hải Minh:** 49%

**b. Công ty TNHH Hải Thanh Thanh**

- **Logo:**



- **Địa chỉ:** Số 17/1 Trần Bình Trọng, Quận Bình Thạnh, TP. HCM
- **Giấy CNĐKKD:** số 4102032540 do Sở KH và ĐT tp HCM cấp ngày 17/08/2005.
- **Ngành nghề kinh doanh:** Mua bán, sửa chữa, bảo dưỡng xe container, xe cơ giới, phụ tùng container; Kim khí điện máy, điện lạnh; Bốc xếp, giao nhận hàng hóa; Kinh doanh vận tải; Chế tạo và đóng mới các phương tiện vận tải.
- **Vốn điều lệ thực góp của Hải Thanh Thanh:** 500.000.000 đồng
- **Vốn góp của Hải Minh:** 225.000.000 đồng
- **Tỷ lệ vốn góp của Hải Minh:** 45%

## **6. Hoạt động kinh doanh**

### **6.1. Sản phẩm, dịch vụ chính**

Căn cứ theo Giấy CNĐKKD số 4103000801 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. HCM cấp lần đầu ngày 24/01/2002, đăng ký thay đổi lần 10 ngày 21/01/2010, Hải Minh tham gia nhiều lĩnh vực ngành nghề khác nhau. Tuy nhiên, hiện nay Công ty đang tập trung vào một số dịch vụ chủ yếu sau:

#### **a. Vận tải đường bộ**

Công ty đang quản lý và khai thác đội xe chở hàng hóa, xe vận tải container chuyên dùng với tổng cộng 40 xe đầu kéo và 21 rơ móc 20 feet, 40 feet hoạt động tại các khu vực có nhu cầu vận chuyển hàng hóa cao như: Hải Phòng, Hà Nội, TP. HCM, Đồng Nai, Bình Dương.... Với năng lực vận chuyển của Công ty, Công ty có thể đáp ứng được các nhu cầu vận chuyển cả các tuyến ngắn (tuyến nội tỉnh) cũng như các tuyến vận chuyển dài (tuyến liên tỉnh) của khách hàng. Khách hàng truyền thống của Công ty là các công ty xuất nhập khẩu và các hãng tàu lớn như: Transvina, Toyota, Nike, Maersk, Hanjin, TS Line, Wanhai Line, MOL...với hợp đồng vận chuyển được ký kết dài hạn và ổn định. Cùng với sự phát triển kinh tế của đất nước, nhu cầu vận chuyển ngày càng tăng, Công ty đang từng bước đầu tư thêm trang thiết bị đầu kéo, đáp ứng tốt tất cả các nhu cầu về vận chuyển container, vận chuyển hàng hóa...

Hiệu quả kinh doanh vận tải bộ phụ thuộc lớn giá cước vận tải từng khu vực cũng như vào quản lý tiêu hao nhiên liệu, chi phí phát sinh. Công tác quản lý điều độ bộ

phận vận tải bộ được từng bước chuyên nghiệp hóa nhằm khai thác hiệu quả cao nhất công suất từng phương tiện, từ đó mang lại hiệu quả cũng như nâng cao thương hiệu của Công ty trong môi trường cạnh tranh khốc liệt.

Tuy mảng vận tải bộ đóng góp vào lợi nhuận chung của Công ty hiệu quả chưa cao nhưng đây là một trong những chuỗi dịch vụ khép kín các khâu từ vận tải biển, khai thác cảng, dịch vụ giao nhận ... của Công ty cung cấp cho khách hàng. Trong thời gian tới Công ty sẽ tiếp tục đẩy mạnh hoạt động tiếp thị, quản lý chặt chẽ chi phí đầu vào, mức tiêu hao nhiên liệu hợp lý, thúc đẩy mảng vận tải bộ phát triển tương ứng với tốc độ phát triển của Công ty.

**b. Vận tải đường thủy**

Tuy chỉ mới đưa vào hoạt động dịch vụ vận tải thủy nhưng trong thời gian qua, bộ phận vận tải thủy đang từng bước góp phần vào sự phát triển thương hiệu của Công ty trên thị trường vận tải. Từ việc chỉ đơn thuần là vận chuyển hàng rời cho các khách hàng trong khu vực nội thị TP. Hải Phòng, Quảng Ninh, TP. HCM như sắt thép, phân bón, nguyên liệu.... Công ty đã mạnh dạn nghiên cứu và mở rộng thêm loại hình dịch vụ vận tải hàng hóa bằng container từ TP.HCM đi các cảng thuộc Đồng bằng sông Cửu Long cũng như phát triển trở thành 01 trong những Công ty hàng đầu trên thị trường chuyên cung cấp dịch vụ vận tải tuyến quốc tế: TP. HCM – Phnompenh, Campuchia.

Bên cạnh giá thành thấp so với một số loại hình vận tải khác, cùng với tính cơ động cao do phần lớn khu vực miền Nam có hệ thống kênh rạch, sông rộng khắp, thuận tiện cho hệ thống vận tải thủy nên nhu cầu vận tải bằng đường thủy ngày càng gia tăng.

Khách hàng của Công ty hầu hết là các hãng tàu lớn trong khu vực như “K” Line, Wan Hai, TS Line, Hanjin, Evergreen, NYK, MOL... và những doanh nghiệp xuất khẩu hàng hóa từ Việt Nam vào thị trường Campuchia.

Hiện nay, đội sà lan của Công ty là 04 chiếc với tổng trọng tải 6.300 tấn tương đương 252 TEUs/ chuyến, Công ty đã dần đáp ứng được nhu cầu vận tải giao thương giữa TP. HCM và các tỉnh khác thuộc khu vực Đồng bằng sông Cửu long cũng như kết nối giao thương giữa Việt Nam với Campuchia. Chiến lược Công ty đặt ra từ đây đến năm 2012 sẽ đầu tư nâng cấp đội tàu sông lên 10 chiếc với tổng trọng tải 700

TEUs /chuyển nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của các doanh nghiệp trong lĩnh vực vận tải đường thủy, nhất là khi các Cảng biển lớn ở nội thành TP. HCM được di dời. Thời điểm hiện tại, Công ty đã bắt đầu khai thác dịch vụ vận chuyển container từ các cảng trong nội thành TP. HCM đến và đi các Cảng thuộc khu vực Cái Mép Thị Vải như SP-PSA, Tân Cảng Cái Mép. Theo dự kiến, khi các cảng thuộc khu vực trên hoạt động hết công suất, lượng hàng hóa vận chuyển bằng sà lan rất lớn do hiệu quả kinh tế vượt trội về thời gian cũng như chi phí so với vận chuyển bằng đường bộ.

Thời gian đầu đưa vào khai thác dịch vụ vận tải thủy, Công ty đã chấp nhận chịu lỗ chi phí để thâm nhập thị trường, tạo dựng tên tuổi, và đã thành công trong chiến lược marketing xây dựng khối lượng khách hàng truyền thống. Bên cạnh đó, do chịu ảnh hưởng lớn từ việc tăng giá nhiên liệu quá cao, thiết bị bỏ trợ chưa đầu tư kịp như vỏ container rỗng, các thiết bị nâng hạ... nên thời gian qua mặc dù nỗ lực khai thác, bộ phận vận tải thủy vẫn chưa mang lại hiệu quả như mong muốn. Tuy nhiên, đây sẽ là một dịch vụ mang tính chiến lược của Công ty trong thời gian tới.

**c. *Kinh doanh kho bãi container***

Đây là hoạt động mang lại hiệu quả cao nhất cho Công ty trong thời gian vừa qua. Tại khu vực Hải Phòng, TP. HCM Công ty hiện đang khai thác 04 bãi container với tổng diện tích hơn 60.000 m<sup>2</sup>, tương đương sức chứa khoảng 3.500 TEUs.

Ngoài ra, Công ty còn có hệ thống kho CFS diện tích hơn 3.000 m<sup>2</sup> tại khu vực Cảng Đình Vũ, Hải Phòng phục vụ cho các nhu cầu xếp dỡ hàng CFS, cho thuê kho, bãi...

Tuy chỉ mới đưa vào khai thác gần đây, nhưng hiện nay hệ thống kho, bãi container đã phục vụ cho rất nhiều hãng tàu để chứa container rỗng, các chủ hàng làm thủ tục xuất nhập khẩu hàng hóa. Công suất sử dụng kho bãi thường xuyên đạt trên 80% công suất.

Nhằm nâng cao hiệu quả khai thác, Công ty đầu tư hệ thống các phương tiện hiện đại như xe nâng PPM có thể xếp dỡ container 5 tầng, hệ thống kiểm tra giám sát container tự động... Cũng như kết hợp sử dụng hiệu quả phương tiện của bộ phận vận tải bộ, vận tải thủy để phục vụ tối đa nhu cầu xếp dỡ, vận chuyển, lưu container... tại kho bãi của Công ty.

Với mong muốn phục vụ tốt hơn khách hàng, Công ty hiện đang tìm kiếm và triển khai đầu tư thêm tại khu vực phía Nam 01 bãi container khoảng 20.000 m<sup>2</sup>, đưa vào sử dụng thêm 01 bãi container PISD tại khu vực Hải Phòng.

**d. Dịch vụ khác**

Ngoài các dịch vụ trên Công ty còn có các dịch vụ khai thuê Hải quan, dịch vụ đại lý tàu, đại lý giao nhận, đại lý mua bán thiết bị chuyên dùng trong lĩnh vực xếp dỡ container cho hãng Terex của Pháp, kinh doanh xuất nhập khẩu....

**e. Hoạt động đầu tư liên kết liên doanh**

Góp phần lớn trong tỷ trọng lợi nhuận trước thuế của công ty trong các năm gần đây là từ hoạt động đầu tư, góp vốn liên kết liên doanh với các đơn vị trong lĩnh vực vận tải. Thời gian qua, Công ty đã tham gia góp vốn với hãng tàu “K” Line của Nhật Bản thành lập Công ty TNHH “K” Line Việt Nam, góp vốn với các đối tác khác như Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn (SSI), Công ty Cổ phần Xuyên Thái Bình (Pan Pacific), Công ty Cổ phần Hàng Hải Hà Nội (Marina Hà Nội)... thành lập Công ty Cổ phần Cảng quốc tế Sao Biển, Công ty TNHH Hải Thanh Thanh, Công ty TNHH Vận tải và Xếp dỡ Hải An...

Hiện nay chiếm tỷ trọng đáng kể nhất là hiệu quả mang lại từ Công ty TNHH “K” Line Việt Nam với lợi nhuận năm 2008 là 44.295.551.000 đồng, trong năm 2009 lợi nhuận từ khoản góp vốn này là 30.210.366.450, Công ty Hải Minh đã hạch toán 49% lợi nhuận này trong báo cáo hợp nhất của Công ty trong các năm qua.

Công ty cũng đang và đã đàm phán với một số đối tác để thành lập Công ty xếp dỡ Hải An tại Hải Phòng cũng như các dự án khác trong lĩnh vực khai thác cảng, kho bãi, logistics...

Hoạt động đầu tư chiến lược trong thời gian đầu (ngoài phần đầu tư vào “K” Line Việt Nam rất tốt) chưa mang lại hiệu quả rõ rệt nhưng khi các dự án đi vào hoạt động cụ thể, sẽ là nguồn thu ổn định cho công ty bên cạnh các mảng hoạt động kinh doanh chính.

**6.2. Doanh thu, lợi nhuận của sản phẩm/dịch vụ qua các năm**

Doanh thu thuần và cơ cấu doanh thu thuần của từng dịch vụ tại Công ty trong năm 2007, 2008, 2009 và Quý 1/2010 như sau:

TT	Dịch vụ	Năm 2007		Năm 2008		Năm 2009		Quý 1/2010	
		Giá trị (triệu đồng)	%/Tổng DTT (%)	Giá trị (triệu đồng)	%/Tổng DTT (%)	Giá trị (triệu đồng)	%/Tổng DTT (%)	Giá trị (triệu đồng)	%/Tổng DTT (%)
1	Vận tải đường bộ	34.470	42,00	31.645	30,32	49.481	44,68	11.155	41,68
2	Vận tải đường thủy	8.837	10,77	21.687	20,78	21.102	19,05	4.898	18,30
3	Khai thác kho bãi	33.432	40,73	37.042	35,49	31.205	28,17	8.136	30,40
4	Hoạt động khác	5.342	6,50	14.005	13,41	8.972	8,10	2.575	9,62
	<b>Tổng DTT</b>	<b>82.081</b>	<b>100</b>	<b>104.379</b>	<b>100</b>	<b>110.760</b>	<b>100</b>	<b>26.764</b>	<b>100</b>

*Nguồn: Báo cáo Kiểm toán hợp nhất năm 2007, 2008, 2009 và BCTC Quý 1/2010 của Hải Minh*

Năm 2007, doanh thu thuần từ dịch vụ vận tải đường bộ đạt 34.470 triệu đồng, chiếm tỷ trọng cao nhất trong tổng doanh thu thuần của Công ty (chiếm 42% tổng doanh thu thuần). Sang năm 2008, do tình hình biến động giá nhiên liệu đầu vào tăng quá cao, cụ thể là giá dầu diesel tăng hơn 20% so với đầu năm khiến cho hoạt động vận tải bộ gặp rất nhiều khó khăn. Bên cạnh đó, khủng hoảng tài chính bất nguồn từ nước Mỹ đã làm giảm lưu lượng hàng hóa qua các cảng biển của Việt Nam cùng với sự cạnh tranh ngày càng gay gắt trên thị trường dẫn đến kết quả hoạt động vận tải bộ trong thời gian vừa qua bị ảnh hưởng nghiêm trọng. Năm 2008, doanh thu thuần từ vận tải bộ giảm chỉ chiếm 30,32% tổng doanh thu thuần của Công ty, tương ứng 31.645 triệu đồng (đạt 91,80% so với cùng kỳ năm ngoái). Đến năm 2009, hoạt động này đã có dấu hiệu phục hồi. Doanh thu thuần đạt 49.481 triệu đồng tăng 56% so với năm 2008 và chiếm 44,68% tổng doanh thu thuần của toàn Công ty.

Đối với hoạt động vận tải đường thủy, tuy đây là một hoạt động mới đưa vào khai thác trong năm 2007 nhưng cũng đã đem lại doanh thu đáng kể cho Công ty. Doanh thu thuần từ hoạt động này năm 2007 đạt 8.837 triệu đồng, chiếm 10,77% tổng doanh thu thuần của Công ty. Đến năm 2008, mặc dù kinh tế gặp nhiều khó khăn nhưng doanh thu thuần từ hoạt động vận tải đường thủy vẫn tăng 245% so với cùng

kỳ năm ngoái, chiếm 20,78% tổng doanh thu thuần, tương ứng 21.687 triệu đồng. Đây là một tín hiệu lạc quan cho hoạt động vận tải đường thủy của Công ty.

Năm 2008, doanh thu thuần từ hoạt động khai thác kho bãi container chiếm 35,49% tổng doanh thu thuần toàn Công ty tương đương 37.042 triệu đồng tăng 110,8% so với cùng kỳ 2007.

Doanh thu thuần của cả hai hoạt động vận tải đường thủy và hoạt động khai thác bãi container đều giảm nhẹ trong năm 2009 do nền kinh tế vẫn chưa hoàn toàn phục hồi. Trong thời gian tiếp theo, hai hoạt động này vẫn là những hoạt động chiến lược của công ty.

Doanh thu thuần từ các dịch vụ khác chiếm tỷ trọng không đáng kể trong tổng doanh thu thuần của Công ty. Tuy nhiên, đây là những dịch vụ mang lại giá trị gia tăng cho khách hàng, hỗ trợ cho sự phát triển của các dịch vụ khác trong Công ty nên Công ty vẫn phải duy trì các dịch vụ này nhằm đáp ứng nhu cầu của khách hàng. Trong năm 2008, doanh thu thuần từ các dịch vụ này đạt 14.005 triệu đồng, chiếm 13,42% tổng doanh thu thuần của Công ty.

Chỉ tính riêng Công ty mẹ, cơ cấu doanh thu thuần trong thời gian qua như sau:

TT	Dịch vụ	Năm 2007		Năm 2008		Năm 2009		Quý 1/2010	
		Giá trị (triệu đồng)	%/Tổng DTT (%)	Giá trị (triệu đồng)	%/Tổng DTT (%)	Giá trị (triệu đồng)	%/Tổng DTT (%)	Giá trị (triệu đồng)	%/Tổng DTT (%)
1	Dịch vụ Vận tải	33.198	64,07	44.402	61,29	22.702	61,31	5.302	53,23
2	Dịch vụ khai thác cảng	13.276	25,62	14.040	19,38	9.315	19,37	2.604	26,14
3	Dịch vụ khác	5.342	10,31	14.005	19,33	2.737	19,32	2.054	20,63
	<b>Tổng DTT</b>	<b>51.816</b>	<b>100</b>	<b>72.447</b>	<b>100</b>	<b>34.754</b>	<b>100</b>	<b>9.960</b>	<b>100</b>

*Nguồn: Báo cáo kiểm toán năm 2007, 2008, 2009 của Công ty Hải Minh*

Lợi nhuận gộp và cơ cấu lợi nhuận gộp của từng dịch vụ tại Công ty trong năm 2007, 2008, 2009 và Quý 1 năm 2010 được liệt kê theo bảng sau:



TT	Dịch vụ	Năm 2007		Năm 2008		Năm 2009		Quý 1/2010	
		Giá trị (triệu đồng)	%/Tổng LN gộp (%)	Giá trị (triệu đồng)	%/Tổng LN gộp (%)	Giá trị (triệu đồng)	%/Tổng LN gộp (%)	Giá trị (triệu đồng)	%/Tổng LN gộp (%)
1	Vận tải đường bộ	3.537	19,26	2.201	12,60	3.731	17,00	718	15,40
2	Vận tải đường thủy	- 419	- 2,28	- 56	- 0,32	-480	-2,18	61	1,30
3	Khai thác kho bãi	12.234	66,61	10.289	58,91	12.331	56,18	2.709	58,07
4	Hoạt động khác	3.015	16,42	5.033	28,81	6.365	29,00	1.177	25,23
	<b>Tổng LN gộp</b>	<b>18.367</b>	<b>100</b>	<b>17.467</b>	<b>100</b>	<b>21.947</b>	<b>100</b>	<b>4.665</b>	<b>100</b>

Nguồn: Báo cáo Kiểm toán hợp nhất năm 2007, 2008, 2009 và Quý 1/2010

Hoạt động khai thác kho bãi mang lại lợi nhuận gộp cao nhất cho Công ty. Năm 2007, lợi nhuận gộp từ hoạt động này đạt 12.234 triệu đồng chiếm 66,61% tổng lợi nhuận gộp của Công ty. Năm 2008, lợi nhuận gộp từ hoạt động này giảm 16% so với năm 2007 nhưng vẫn chiếm tỷ trọng lớn trong tổng lợi nhuận gộp của Công ty (58,91%) và năm 2009 đạt 12.331 triệu đồng chiếm 56,18% tổng lợi nhuận gộp của Công ty.

Mặc dù hoạt động vận tải đường thủy chưa mang lại lợi nhuận cho Công ty nhưng với lợi thế là thâm nhập thị trường tốt đã tạo được uy tín với khách hàng, bên cạnh đó, lượng hàng hóa vận chuyển dần ổn định và tăng cao khi tình hình kinh tế thế giới cũng như trong khu vực thoát khỏi suy thoái, giá nhiên liệu đầu vào giảm theo xu hướng thị trường, công tác quản lý khai thác, điều động tốt hơn, bộ phận này sẽ bù lỗ được và hứa hẹn mang lại hiệu quả cho Công ty trong thời gian tới.

Cơ cấu lợi nhuận của Công ty mẹ trong thời gian qua như sau:

TT	Dịch vụ	Năm 2007		Năm 2008		Năm 2009		Quý 1/2010	
		Giá trị (triệu đồng)	%/Tổng LN gộp (%)	Giá trị (triệu đồng)	%/Tổng LN gộp (%)	Giá trị (triệu đồng)	%/Tổng LN gộp (%)	Giá trị (triệu đồng)	%/Tổng LN gộp (%)
1	Dịch vụ	2.401	19,20	-985	-8,72	-1.649	-33,06	67	5,28

TT	Dịch vụ	Năm 2007		Năm 2008		Năm 2009		Quý 1/2010	
		Giá trị (triệu đồng)	%/Tổng LN gộp (%)	Giá trị (triệu đồng)	%/Tổng LN gộp (%)	Giá trị (triệu đồng)	%/Tổng LN gộp (%)	Giá trị (triệu đồng)	%/Tổng LN gộp (%)
	Vận tải								
2	Dịch vụ khai thác cảng	7.089	56,69	6.510	57,62	4.858	97,39	979	77,09
3	Dịch vụ khác	3.015	24,11	5.774	51,10	1.779	35,67	224	17,63
	<b>Cộng</b>	<b>12.505</b>	<b>100</b>	<b>11.299</b>	<b>100</b>	<b>4.988</b>	<b>100</b>	<b>1.270</b>	<b>100</b>

*Nguồn: Báo cáo kiểm toán năm 2007, 2008, 2009 và BCTC Quý 1/2010 của Công ty Hải Minh*

Như vậy, năm 2009 hoạt động dịch vụ vận tải của Công ty mẹ không hiệu quả. Tuy nhiên, phần lỗ này đã được bù đắp bởi hiệu quả hoạt động từ các công ty con.

### 6.3. Nguyên vật liệu

#### a. Nguyên vật liệu chính

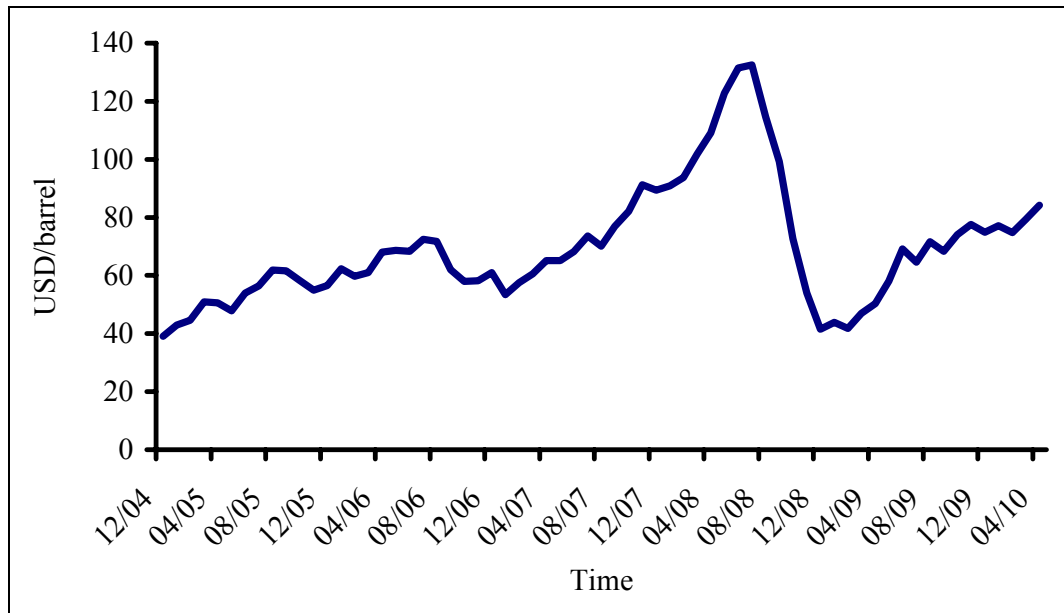
Hiện nay, hoạt động kinh doanh chính của Công ty là sử dụng các phương tiện vận tải đường bộ, phương tiện vận tải đường thủy, thiết bị nâng hạ container... để cung cấp các dịch vụ trong lĩnh vực giao nhận, vận tải cho khách hàng. Chính vì vậy, nhiên liệu (xăng, dầu) được coi là nguyên vật liệu chính của Công ty.

Nguồn nhiên liệu này được Công ty mua lại của các nhà nhập khẩu và phân phối nhiên liệu trong nước. Do xăng, dầu là nhiên liệu cơ bản của nền kinh tế, hơn nữa, ở Việt Nam giá bán xăng, dầu do Nhà nước kiểm soát, chính vì vậy, sự ổn định nguồn cung cấp nhiên liệu phụ thuộc vào nguồn cung cấp từ các nước xuất khẩu dầu mỏ.

#### b. Ảnh hưởng của nguyên vật liệu tới doanh thu và lợi nhuận

Giá dầu thô trên thế giới trong thời gian qua biến động phức tạp. Theo số liệu tổng hợp, từ tháng 12 năm 2004 đến tháng 7 năm 2008, giá dầu thô trên thế giới liên tục tăng, đặc biệt tăng mạnh trong năm 2007 và những tháng đầu năm 2008. Giá dầu thô trên thế giới lên tới đỉnh vào tháng 7 năm 2008. Ngay sau đó, do tác động của cuộc khủng hoảng kinh tế Mỹ và sự bất ổn, giá dầu thô đột ngột giảm nhanh xuống gần 41USD/thùng. Đến thời điểm hiện tại, giá dầu thô đang giao dịch khoảng 84USD/thùng và đang có xu hướng tăng lên

**Đồ thị: Giá dầu thô từ tháng 12/2004 đến tháng 04/2010**



Nguồn: Số liệu được tổng hợp từ <http://www.bloomberg.com>

Với sự biến động tăng, giảm của giá dầu thô trên thị trường thế giới thời gian qua đã tác động đến nền kinh tế của các nước trên thế giới. Giá xăng, dầu trong nước, mặc dù do Nhà nước kiểm soát giá, cũng biến động theo giá xăng dầu trên thị trường thế giới nhưng với độ trễ nhất định. Sự biến động giá như vậy đã ảnh hưởng không nhỏ tới ngành vận tải, làm gia tăng chi phí sản xuất, giảm hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp.

Tỷ trọng chi phí nhiên liệu thường chiếm khoảng 20 – 25% tổng giá vốn của Công ty, do vậy, việc giá xăng dầu tăng làm gia tăng giá vốn hàng bán. Tuy nhiên, HẢI MINH là một đơn vị đơn thuần cung cấp dịch vụ, Công ty sẽ tăng giá dịch vụ nhằm giảm bớt thiệt hại do giá xăng dầu tăng gây ra.

**c. Các kế hoạch và biện pháp chủ động trước biến động của giá nhiên liệu**

Sự biến động của giá xăng, dầu trên tác động mạnh tới hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Để giảm bớt tác động do biến động giá xăng, dầu gây lên, Công ty thường xuyên xây dựng kế hoạch ngắn hạn, rà soát kế hoạch ngắn hạn cho phù hợp với tình hình kinh tế hiện tại. Bên cạnh đó, Công ty thường xuyên phân tích những biến động kinh tế, xã hội trong nước cũng như trên thế giới từ đó đưa ra những dự báo biến động giá nhiên liệu trên thế giới từ đó đưa ra mức phí hợp lý cho khách hàng.

## 6.4. Chi phí sản xuất

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Dịch vụ	Năm 2007		Năm 2008		Năm 2009		Quý 1/2010	
		Giá trị (triệu đồng)	%/DTT (%)	Giá trị (triệu đồng)	%/DTT (%)	Giá trị (triệu đồng)	%/DTT (%)	Giá trị (triệu đồng)	%/DTT (%)
1	Giá vốn hàng bán	63.714	77,62	86.913	83,27	88.813	80,19	22.098	82,57
2	Chi phí bán hàng	0	0	0	0	0	0	0	0
3	Chi phí quản lý doanh nghiệp	6.673	8,13	6.566	6,29	7.636	6,89	1.960	7,32
4	Chi phí tài chính	1.958	2,39	1.861	1,78	1.079	0,97	9	0,03
	<b>Cộng</b>	<b>72.345</b>	<b>88,14</b>	<b>95.340</b>	<b>91,34</b>	<b>97.528</b>	<b>88,05</b>	<b>24.067</b>	<b>89,92</b>

Nguồn: Báo cáo Kiểm toán hợp nhất năm 2007, 2008, 2009 và BCTC Quý 1/2010

Qua bảng trên cho thấy, giá vốn hàng bán của Công ty năm 2008 tăng khá cao so với năm 2007. Năm 2007 giá vốn hàng bán của Công ty đạt 63.714 triệu đồng chỉ chiếm 77,62% tổng doanh thu. Đến năm 2008, giá vốn hàng bán đạt 86.913 triệu đồng, chiếm 83,27% tổng doanh thu. Như vậy, giá vốn hàng bán năm 2008 tăng 36,4% so với năm 2007, trong khi đó doanh thu năm 2008 chỉ tăng 27% so với năm 2007. Nguyên nhân chính của sự gia tăng này là do giá xăng dầu năm 2008 tăng cao so với năm 2007 đồng thời doanh nghiệp cũng phải hạ giá dịch vụ đầu vào nhằm chia sẻ một phần khó khăn với khách hàng truyền thống. Đến năm 2009, tỷ trọng giá vốn hàng bán có xu hướng giảm so với năm 2008.

Đối với công ty mẹ, chi phí sản xuất kinh doanh của Công ty trong thời gian qua như sau:

TT	Dịch vụ	Năm 2007		Năm 2008		Năm 2009		Quý 1/2010	
		Giá trị (triệu đồng)	%/DTT (%)	Giá trị (triệu đồng)	%/DTT (%)	Giá trị (triệu đồng)	%/DTT (%)	Giá trị (triệu đồng)	%/DTT (%)
1	Giá vốn hàng bán	39.312	75,87	61.148	84,40	29.766	85,65	8.690	87,25

TT	Dịch vụ	Năm 2007		Năm 2008		Năm 2009		Quý 1/2010	
		Giá trị (triệu đồng)	%/DTT (%)	Giá trị (triệu đồng)	%/DTT (%)	Giá trị (triệu đồng)	%/DTT (%)	Giá trị (triệu đồng)	%/DTT (%)
2	Chi phí bán hàng	0	0	0	0	0	0	0	0
3	Chi phí quản lý doanh nghiệp	3.739	7,21	4.082	5,63	2.084	6,00	623	6,25
4	Chi phí tài chính	1.208	2,33	1.089	1,50	657	1,89	-3	-0,03
	<b>Cộng</b>	<b>44.259</b>	<b>85,41</b>	<b>66.319</b>	<b>91,53</b>	<b>32.507</b>	<b>93,54</b>	<b>9.310</b>	<b>93,47</b>

Nguồn: Báo cáo kiểm toán năm 2007, 2008, 2009 và BCTC Quý 1/2010 của Công ty Hải Minh

#### 6.5. Năng lực vận chuyển, năng lực lưu kho bãi

Năng lực vận chuyển, năng lực lưu kho bãi luôn là yếu tố quan trọng tạo lên thành công của các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực giao nhận, vận tải. Thời gian qua, Công ty không ngừng đầu tư nhằm nâng cao năng lực cung ứng dịch vụ cũng như năng lực cạnh tranh của Công ty.

Đối với hoạt động vận tải đường bộ, hiện Công ty đang có 40 xe đầu kéo chuyên dụng được sản xuất tại Mỹ, cùng với 21 rơ móc để phục vụ vận chuyển container hoặc vận chuyển hàng hóa cồng kềnh có tải trọng lớn. Các xe đầu kéo được phân bố hoạt động tại các cảng lớn trong nước nhằm đáp ứng nhu cầu giải phóng hàng nhanh nhất của khách hàng.

Đối với hoạt động vận tải đường thủy, hiện Công ty đang sở hữu một tàu sông lớn nhất Việt Nam (84 TEUs) cùng với các sà lan chuyên dụng sử dụng chủ yếu vận chuyển tuyến Hồ Chí Minh – Campuchia. Cụ thể:

TT	Tên	Năm sản xuất	Tải trọng (tấn)	Xếp container (TEUs)
1	HAIMINH 09	2008	2.500	84
2	HAIMINH 08	2007	2.150	72
3	HAIMINH 06	2005	750	42

TT	Tên	Năm sản xuất	Tải trọng (tấn)	Xếp container (TEUs)
4	HAILONG 06	2005	916	54

*Nguồn: Công ty cổ phần Hải Minh*

Đối với hoạt động kinh doanh kho bãi container, hiện nay, Công ty có 04 bãi container với tổng diện tích khoảng 60.000 m<sup>2</sup> tại Hải Phòng và TP. HCM. Các thiết bị nâng hạ container được đầu tư hiện đại có thể xếp dỡ container 5 tầng, cơ sở hạ tầng được tốt phục vụ cho hoạt động ra vào bãi được nhanh chóng.

#### **6.6. Hoạt động Marketing**

Hoạt động marketing do Phòng Marketing đảm nhiệm. Việc quảng bá, tiếp thị, tìm kiếm khách hàng và mở rộng thị trường được giao cho Phòng Marketing. Phòng Marketing kết hợp với các đơn vị trực thuộc trực tiếp thực hiện đối với từng loại hình dịch vụ, nhằm phát huy tối đa sự năng động, nhạy bén cũng như mối quan hệ... của các đơn vị thành viên, đồng thời tạo sự chủ động và độc lập của các đơn vị để đáp ứng nhanh khi chuyển qua hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con.

Bên cạnh đó Công ty đã tiến hành xây dựng mới, cải tiến giao diện website của Công ty tại địa chỉ: [www.haiminh.com.vn](http://www.haiminh.com.vn) để làm cổng thông tin giao tiếp với khách hàng, cập nhật các thông tin dịch vụ giúp cho khách hàng có thể nắm được các dịch vụ của Công ty, đồng thời giúp Công ty giới thiệu, quảng bá các loại hình dịch vụ của Công ty với các đối tượng khách hàng tiềm năng.

#### **6.7. Nhân hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền**

Công ty Cổ phần Hải Minh sử dụng Logo đã được đăng ký nhãn hiệu hàng hóa theo giấy chứng nhận số 123262 do Cục Sở hữu Trí tuệ, Bộ Khoa học – Công nghệ cấp ngày 17/04/2009. Biểu tượng (logo) đồng thời là nhãn hiệu thương mại của Công ty:



Tên giao dịch: HAMI CORP

**6.8. Các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết**

Đối với một số khách hàng truyền thống, Công ty thường ký kết các hợp đồng mang tính dài hạn, được thực hiện trong vòng 1 năm. Đối với khách hàng nhỏ, Công ty ký hợp đồng theo từng giao dịch phát sinh. Một số hợp đồng lớn Công ty đang thực hiện:

Đơn vị tính: đồng

TT	Nội dung hợp đồng	Đối tác	Giá trị hợp đồng	Thời gian ký kết	Thời gian thực hiện
1	Vận chuyển container	WanHai Line	6.567.500.000	01/04/2008	Đến 30/09/2010
2	Vận chuyển container	“K” Line Vietnam	4.440.000.000	15/08/2009	Đến 15/08/2010
3	Vận chuyển, trucking, bãi	Vinabridge	12.290.000.000	13/04/2007	Đến 13/04/2011
4	Vận chuyển container	KTA Việt Nam	12.000.000.000	01/01/2010	01/01/2011
5	Vận chuyển container	TS Line	1.940.000.000	15/09/2009	Đến 15/09/2010

Nguồn: CTCP Hải Minh

**7. Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2007, 2008 và 2009****7.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty**

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2007	Năm 2008	% tăng giảm (2008/2007)	Năm 2009	% tăng giảm (2009/2008)	Quý 1 năm 2010
Tổng giá trị tài sản	104.874	136.109	29,78	143.882	5,71	158.048
Doanh thu thuần	82.080	104.380	27,17	110.760	6,11	26.763
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	10.551	11.361	7,68	15.045	32,43	3.333
Lợi nhuận khác	84	2.534	2.916	-213	-109,12	-2
Lợi nhuận trong công ty liên doanh, liên kết	13.161	21.722	65,05	14.847	-31,65	4.022

Chỉ tiêu	Năm 2007	Năm 2008	% tăng giảm (2008/2007)	Năm 2009	% tăng giảm (2009/2008)	Quý 1 năm 2010
Lợi nhuận trước thuế	23.796	35.617	49,67	29.678	-16,67	7.354
Lợi nhuận sau thuế	21.285	33.402	56,92	26.994	-19,18	6.581
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	776	749	-3,48	816	8,95	96
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	20.509	32.653	59,21	26.178	-19,83	6.485
Cổ tức	20%	20%	0,00	20%	0,00	-
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	54,77%	34,40%	-23,37%	42,91%	8,51%	

Nguồn: Báo cáo Kiểm toán hợp nhất năm 2007, 2008, 2009 và BCTC Quý 1/2010

Doanh thu và lợi nhuận năm 2008 của HẢI MINH đã đạt được tốc độ tăng trưởng khả quan, với doanh thu đạt gần 104,38 tỷ đồng, tăng hơn 27% so với năm 2007, trong khi lợi nhuận sau thuế tăng 57% so với năm trước, đạt 33,4 tỷ đồng. Năm 2009, doanh thu của Công ty tiếp tục đà tăng trưởng và đạt 110,76 tỷ đồng tăng 6,11% so với năm 2008. Tuy nhiên, lợi nhuận của Công ty năm 2009 có xu hướng giảm do lợi nhuận từ các hoạt động khác và lợi nhuận từ hoạt động liên doanh liên kết bị suy giảm. Nhìn vào kết quả kinh doanh của những năm qua, thì tỷ suất lợi nhuận/vốn chủ sở hữu từ 20% - 25%, là tỷ suất tương đối khá so với mặt bằng lãi suất ngân hàng.

Chỉ riêng đối với Công ty mẹ, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh thời gian qua được tổng hợp theo bảng sau:

Chỉ tiêu	Năm 2007	Năm 2008	% tăng giảm (2008/2007)	Năm 2009	% tăng giảm (2009/2008)	Quý 1 năm 2010
Tổng giá trị tài sản	90.512	92.077	1,73	94.184	2,29	95.922
Doanh thu thuần	51.816	72.447	39,82	34.754	- 52,03	9.960
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	16.541	7.846	- 52,57	15.191	93,61	1.134



Chỉ tiêu	Năm 2007	Năm 2008	% tăng giảm (2008/2007)	Năm 2009	% tăng giảm (2009/2008)	Quý 1 năm 2010
Lợi nhuận khác	283	7	- 97,53	- 18	- 357,14	-2
Lợi nhuận trước thuế	16.824	7.853	- 53,32	15.172	93,20	1.133
Lợi nhuận sau thuế	14.493	5.792	- 60,04	14.543	151,09	850

*Nguồn: Báo cáo kiểm toán năm 2007, 2008 và 2009 của Công ty Hải Minh*

Đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty mẹ, trong năm 2008, các chỉ số đều giảm mạnh. Tuy nhiên đến năm 2009, các chỉ số thể hiện kết quả kinh doanh đã khả quan hơn, doanh thu giảm nhưng lợi nhuận sau thuế tăng 151,09% so với năm 2008. Lợi nhuận sau thuế năm 2009 tăng cao so với năm 2008 chủ yếu là do năm 2009 Công ty mẹ được chia cổ tức từ các hoạt động liên doanh liên kết với tổng số tiền là 11.948.865.977 đồng (năm 2008 là 0 đồng). Đây là nguyên nhân chính làm gia tăng lợi nhuận đột biến cho năm 2009.

## 7.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2009

### a. Các nhân tố thuận lợi

- Hỗ trợ tối đa của các đơn vị thành viên và các đối tác như “K” Line Việt Nam, Vinabridge.
- Sự hỗ trợ tích cực của các cán bộ công nhân viên, đặc biệt là từ HĐQT đã có những định hướng đúng đắn cho sự phát triển lâu dài của Công ty.
- Việt Nam gia nhập WTO sẽ giảm các rào cản thương mại từ đó thúc đẩy các hoạt động thương mại quốc tế.
- Hiện nay, vận tải đường biển chiếm hơn 80% tổng nhu cầu vận tải hàng hóa xuất nhập khẩu của Việt Nam. Hội nhập kinh tế quốc tế làm gia tăng lượng hàng hóa trung chuyển qua các cảng biển. Vận tải đường biển đang là phương thức vận chuyển tối ưu đối với các doanh nghiệp có nhu cầu chuyên chở hàng lớn và tốn ít chi phí. Từ đó cũng kéo theo sự phát triển của vận tải đường bộ, và các dịch vụ lưu kho, bãi...
- Đội tàu biển của Campuchia chưa đủ mạnh, Công ty có cơ hội để tham gia chia sẻ với các doanh nghiệp thị trường vận chuyển tuyến Việt Nam - Campuchia.

- Vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên thuận lợi, nằm ngay ngã ba đường hàng hải quốc tế quan trọng. Bên cạnh đó, địa bàn hoạt động kinh doanh cũng được xác định, lựa chọn tại các địa điểm là cửa ngõ đường biển của Việt Nam.
- Sự ổn định về chính trị, môi trường kinh tế vĩ mô ngày càng được hoàn thiện là tiền đề thu hút đầu tư của nước ngoài, từ đó góp phần làm gia tăng lượng hàng hóa xuất nhập khẩu.
- Chính phủ xem phát triển ngành công nghiệp hàng hải là 1 trong 5 mục tiêu chủ yếu phát triển kinh tế, phân bổ vốn đầu tư khá lớn cho phát triển giao thông, trong đó công nghiệp hàng hải và khai thác cảng có vai trò chính yếu.

**b. Các nhân tố khó khăn**

- Thị trường dịch vụ biển động phức tạp, ảnh hưởng của suy thoái kinh tế thế giới tác động mạnh đến tình hình xuất nhập khẩu của Việt Nam dẫn đến doanh thu sụt giảm từ cuối năm 2008 đến quý 2/2009 mới có dấu hiệu hồi phục.
- Chi phí nhiên liệu tăng mạnh do Nhà nước điều chỉnh giá xăng dầu nhưng Công ty chưa thể tăng giá dịch vụ tương ứng từ đó ảnh hưởng đến lợi nhuận của công ty.
- Điều kiện tại các bãi container rộng chưa thật sự tốt, phương tiện hỗ trợ bị hư hỏng nhiều lần làm ảnh hưởng doanh thu. Bãi bị hư hỏng nhiều nên ảnh hưởng đến năng suất khai thác.
- Cạnh tranh dịch vụ trên thị trường ngày càng khốc liệt nhất là lĩnh vực vận tải bộ, vận tải thủy.

**8. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành****8.1. Vị thế của công ty trong ngành**

Là một Doanh nghiệp trẻ, năng động tuy mới được thành lập từ 2002 đến nay nhưng Công ty đã xây dựng được một chuỗi cung ứng dịch vụ khép kín cho lĩnh vực giao nhận hàng hóa: vận tải thủy, bộ, đại lý hãng tàu, khai thuê hải quan, kho bãi... So với các đơn vị khác hoạt động cùng lĩnh vực, lợi thế của HẢI MINH là có cơ sở vật chất kỹ thuật được trang bị tương đối đầy đủ và hiện đại cùng đội ngũ nhân viên có trình độ nghiệp vụ giao nhận chuyên nghiệp, nhiều kinh nghiệm và am hiểu thị trường. Các lợi thế đó cụ thể gồm:

- Có một mạng lưới chi nhánh, văn phòng đại diện ở các khu vực và cảng biển quan trọng của Việt Nam (TP. HCM, Hải Phòng).
- Khả năng cạnh tranh cao nhờ qui trình dịch vụ được tổ chức khép kín từ khâu Tiếp nhận – Vận chuyển – Lưu kho bãi – Thu gom hàng hóa. Trong đó, điểm mạnh của Công ty là có hệ thống kho bãi rộng lớn (hơn 60.000 m<sup>2</sup> bãi chứa container và 3.000 m<sup>2</sup> kho CFS), hệ thống xe đầu kéo, sà lan vận chuyển chuyên nghiệp, đội ngũ lãnh đạo, nhân viên giàu kinh nghiệm trong lĩnh vực vận tải, giao nhận vận chuyển hàng hóa.
- Có một bộ máy lãnh đạo có nhiệt huyết và rất nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực hàng hải.

## **8.2. Triển vọng phát triển của ngành**

Trong các năm qua nền kinh tế Việt Nam không ngừng phát triển, tốc độ tăng trưởng GDP hàng năm trên 7%, kim ngạch xuất nhập khẩu mỗi năm tăng khoảng 20%. Dự báo tốc độ tăng trưởng sản lượng hàng hóa vận chuyển của ngành hàng hải bình quân hàng năm khoảng 12 - 15%.

Năm 2009, mặc dù khủng hoảng kinh tế thế giới ảnh hưởng mạnh đến Việt Nam nói riêng và của thế giới nói chung nhưng nó được kỳ vọng cũng là bàn đạp cho sự phát triển nhanh chóng trong những năm tới cho những công ty có chuẩn bị và đầu tư đúng hướng. Những năm qua, Công ty đã đầu tư, phát triển và hoàn thiện hệ thống trang thiết bị hiện đại, đội ngũ quản lý giỏi, công nhân lành nghề, phục vụ tận tình, chu đáo, đảm bảo giải phóng hàng nhanh và an toàn... Công ty đã trở thành đối tác tin cậy của các hãng tàu lớn và các doanh nghiệp xuất nhập khẩu.

Năm 2009 tốc độ tăng trưởng của ngành giao nhận, vận tải vẫn tiếp tục giảm và theo dự báo sẽ có xu hướng hồi phục vào 2010 với sản lượng bằng năm 2008 và đạt tốc độ tăng trưởng 15 - 25% từ năm 2011 – năm 2013. Ngoài ra, tiềm năng khai thác hàng hóa tại các cảng biển Việt Nam, đặc biệt vùng kinh tế trọng điểm phía Nam là rất lớn. Thêm vào đó là kế hoạch di dời cảng biển ra ngoại thành và các tỉnh lân cận để hình thành 3 cụm cảng lớn là cụm cảng TP. HCM, Bà Rịa – Vũng Tàu, Đồng Nai. Các cụm cảng này sẽ gắn kết với các trung tâm kho cảng ICD nằm sâu trong đất liền để tối ưu hóa việc phân phối hàng hóa bằng đường bộ và đường thủy.

Với chiến lược phát triển của ngành như vậy, Công ty đã mạnh dạn đầu tư cơ sở vật chất mới, hiện đại, ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, khai thác kho bãi và xây dựng đội ngũ lao động... Công ty có một bộ máy năng động luôn hướng vào hoàn thiện các dịch vụ giao nhận, luôn giữ vững quy mô phát triển, ổn định tài chính, mở rộng quan hệ với nhiều đối tác khách hàng, các hãng vận chuyển, các nhà giao nhận trong và ngoài nước, đến nay Công ty đã là một doanh nghiệp được khách hàng tin nhiệm trong lĩnh vực: vận tải thủy, bộ, dịch vụ kho bãi, kho CFS và giao nhận hàng hóa. Công ty cũng xác định giao nhận, vận tải là một dịch vụ quan trọng trong việc nâng cao hiệu quả khai thác cảng nên đã xây dựng đội ngũ cán bộ công nhân viên chuyên nghiệp, có kinh nghiệm và hiểu biết luật pháp Việt nam cũng như Quốc tế để thực hiện dịch vụ giao nhận, vận tải.

## 9. Chính sách đối với người lao động

### 9.1. Số người lao động trong Công ty

Tổng số lao động của Công ty đến 31/03/2010 là 49 người; Trong đó:

STT	Phân loại lao động	Số người	Tỷ trọng (%)
<b>I</b>	<b>Phân theo hình thức hợp đồng</b>		
1	Lao động có HĐLĐ không xác định thời hạn và biên chế	01	2
2	Lao động hợp đồng từ 1-3 năm	46	94
3	Lao động hợp đồng ngắn hạn dưới 1 năm	02	4
<b>Tổng cộng</b>		<b>49</b>	<b>100</b>
<b>II</b>	<b>Phân theo trình độ</b>		
1	Trên đại học	02	4
2	Đại học, cao đẳng	25	51
3	Trung học chuyên nghiệp	22	45
4	Công nhân kỹ thuật và trình độ khác	0	0
5	Lao động phổ thông	0	0
<b>Tổng cộng</b>		<b>49</b>	<b>100</b>

Nguồn: CTCP Hải Minh

**9.2. Chính sách đào tạo, lương thưởng, trợ cấp****a. Chính sách đào tạo**

Với mục tiêu xây dựng đội ngũ cán bộ, công nhân viên có trình độ chuyên môn kỹ thuật cao, Công ty luôn chú trọng tới công tác đào tạo nguồn nhân lực trong nước và hoạt động ở nước ngoài, có chính sách khuyến khích người lao động thường xuyên học tập, nâng cao tay nghề, trình độ chuyên môn nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của công việc sản xuất kinh doanh.

**b. Chính sách lương, thưởng**

Tiền lương tiền thưởng được trả cho người lao động theo quy chế lương, thưởng của Công ty, dựa trên cơ sở đánh giá công việc đảm nhận và hiệu quả đạt được của từng chức danh nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh. Quy chế trả lương được xây dựng đúng luật nhưng vẫn bảo đảm được tính công bằng và khả năng khuyến khích sự đóng góp của các cá nhân và tập thể có trình độ chuyên môn, tay nghề cao.

**c. Chính sách trợ cấp**

Bên cạnh chính sách tiền lương, tiền thưởng, người lao động làm việc tại Công ty còn được hưởng các chế độ phúc lợi khác theo quy định trong Thỏa ước lao động tập thể như: trợ cấp trong những dịp lễ Tết, hiếu hỉ, ốm đau, .... Chính sách trợ cấp đã phần nào tạo được sự phấn khởi, thái độ tích cực và sự gắn bó lâu dài với Công ty nơi người lao động.

**10. Chính sách cổ tức**

Căn cứ theo điều lệ tổ chức và hoạt động của HẢI MINH đã được ĐHĐCĐ thông qua, chính sách phân phối lợi nhuận và cổ tức cho cổ đông của HẢI MINH được quy định như sau:

- Công ty sẽ chi trả cổ tức cho cổ đông khi Công ty kinh doanh có lãi.
- Cổ tức sẽ được công bố và chi trả từ lợi nhuận giữ lại của Công ty nhưng không được vượt quá mức do HĐQT đề xuất sau khi đã tham khảo ý kiến cổ đông tại ĐHĐCĐ.
- Cổ đông được chia cổ tức tương đương với phần vốn góp và tùy theo đặc điểm tình hình kinh doanh theo quyết định của ĐHĐCĐ.

Năm	Tỷ lệ cổ tức/mệnh giá	Ghi chú
2007	20%	trả cổ tức bằng tiền mặt
2008	20%	trả cổ tức bằng tiền mặt
2009	20% (*)	trả cổ tức bằng tiền mặt

Nguồn: Công ty CP Hải Minh

(\*) Năm 2009 công ty đã thực tế đã tạm ứng 15%, phần còn lại (5%) được tạm ứng vào tháng 02/2010, Mức cổ tức chính thức của cả năm 2010 là 20% được Đại hội đồng Cổ đông thông qua ngày 17/04/2010.

## 11. Tình hình tài chính

### 11.1. Các chỉ tiêu cơ bản

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Báo cáo tài chính của Công ty từ năm 2005 trình bày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (VAS) do Bộ Tài chính ban hành.

#### a. Trích khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp khác và lệ phí trước bạ, nếu có. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Tỷ lệ khấu hao áp dụng theo tỷ lệ quy định tại Quyết định 206/2003/QĐ/BTC ngày 12/12/2003 của Bộ Tài Chính. Tỷ lệ khấu hao hàng năm của tài sản cụ thể như sau :

TT	Loại tài sản	Tỷ lệ khấu hao (%/nguyên giá/năm)
1	Nhà xưởng, vật kiến trúc	4 - 20
2	Máy móc, thiết bị	14,2 - 20
3	Phương tiện vận tải	14,2 - 20

TT	Loại tài sản	Tỷ lệ khấu hao (%/nguyên giá/năm)
4	Dụng cụ quản lý	20 - 25

Nguồn: CTCP Hải Minh

**b. Mức lương bình quân**

Thu nhập bình quân của các cán bộ công nhân viên năm 2008: 7.000.000 đồng/người/tháng. Đây là mức thu nhập khá cao so với thu nhập bình quân của Việt Nam. Đến năm 2009, thu nhập bình quân của các cán bộ công nhân viên là: 6.380.000 đồng/người/tháng.

**c. Thanh toán các khoản nợ đến hạn**

Công ty luôn thanh toán đầy đủ và trong thời hạn các khoản vay và nợ phải trả của Công ty.

**d. Các khoản phải nộp theo luật định**

Công ty luôn thực hiện nghiêm túc việc nộp các khoản thuế: thuế VAT, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân và các khoản phải nộp Nhà nước khác theo luật định.

**e. Trích lập các quỹ theo luật định**

Các quỹ của Công ty được trích lập theo đúng Điều lệ Công ty và qui định của pháp luật. Cụ thể:

- Quỹ dự trữ để bổ sung Vốn điều lệ: khoản trích này không được vượt quá năm phần trăm (5%) lợi nhuận sau thuế của Công ty và được trích cho đến khi Quỹ dự trữ bổ sung Vốn điều lệ bằng mười phần trăm (10%) Vốn điều lệ của Công ty.
- Quỹ dự phòng tài chính: được trích hàng năm với tỷ lệ không vượt quá năm phần trăm (5%) lợi nhuận sau thuế của Công ty và được trích cho đến khi Quỹ dự phòng tài chính bằng mười phần trăm (10%) Vốn điều lệ của Công ty.
- Quỹ khen thưởng - phúc lợi: được trích theo quyết định của ĐHĐCĐ với tổng mức trích lập trong một năm không quá mười phần trăm (10%) lợi nhuận sau thuế.

- Quỹ đầu tư - phát triển: được trích lập từ nguồn vốn khấu hao cơ bản cộng với khoản lợi nhuận còn lại (nếu có) sau khi Công ty đã trích lập các quỹ và đã chi trả cổ tức cho các cổ đông.

Số dư các quỹ tại Công ty như sau:

Đơn vị tính: triệu đồng

Các quỹ	31/12/2007	31/12/2008	31/12/2009	31/03/2010
Quỹ đầu tư phát triển	1.182	1.450	1.893	1.893
Quỹ dự phòng tài chính	241	609	1.362	1.362
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	469	868	1.234	1.136

Nguồn: Báo cáo kiểm toán hợp nhất năm 2007, 2008, 2009 và BCTC Quý 1/2010

Trong đó, số dư các quỹ tại Công ty mẹ như sau:

Đơn vị tính: triệu đồng

Các quỹ	31/12/2007	31/12/2008	31/12/2009	31/03/2010
Quỹ đầu tư phát triển	742	742	742	742
Quỹ dự phòng tài chính	241	531	1.231	1.231
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	412	795	928	862

Nguồn: Báo cáo kiểm toán năm 2007, 2008, 2009 và BCTC Quý 1/2010

#### f. Đầu tư tài chính ngắn hạn

Tình hình hoạt động đầu tư tài chính ngắn hạn của Hải Minh trong các năm qua như sau:

Đơn vị tính: triệu đồng

Khoản mục	31/12/2007	31/12/2008	31/12/2009	31/03/2010
<b>Công ty Hải Minh</b>	<b>1.884</b>	<b>4.965</b>	<b>4.742</b>	<b>10.442</b>
Đầu tư ngắn hạn	1.884	5.671	5.691	11.391
Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	0	-706	-949	-949
<b>Công ty mẹ</b>	<b>3.584</b>	<b>4.965</b>	<b>3.242</b>	<b>3.242</b>
Đầu tư ngắn hạn	3.584	5.671	4.191	4.191



Khoản mục	31/12/2007	31/12/2008	31/12/2009	31/03/2010
Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	0	-706	-949	-949

Nguồn: Báo cáo kiểm toán năm 2007, 2008, 2009 và BCTC Quý 1/2010

Chiếm tỷ trọng lớn trong các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn là khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn (chiếm khoảng 75% khoản đầu tư tài chính ngắn hạn hàng năm). Đây là các khoản đầu tư vào các cổ phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh và Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội. Phần còn lại chủ yếu là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Chi tiết các cổ phiếu đầu tư tại thời điểm 31/03/2010 bao gồm:

STT	Tên cổ phiếu	Số lượng (Cổ phiếu)	Giá mua (đồng/Cổ phần)
1	Công ty CP Dịch vụ và kỹ thuật Hàng Hải (MAC)	200.000	16.000
2	Công ty CP Cơ Điện Lạnh (REE)	7.000	69.600
3	Công ty CP Đại lý Liên hiệp Vận chuyển (GMD)	1.000	148.000
4	Công ty CP Đầu tư Phát triển đô thị và KCN Sông Đà (SJS)	1.000	83.000
5	Ngân hàng TMCP Sài Gòn thương tín (STB)	6.158	44.200

Nguồn: Công ty Hải Minh

Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn được thực hiện trên nguyên tắc: vào thời điểm cuối năm tài chính, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của chứng khoán đầu tư nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán. Số dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của chứng khoán đầu tư lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

**g. Đầu tư tài chính dài hạn**

Tính đến ngày 31/03/2010, ngoài việc đầu tư vào các công ty con và công ty liên doanh liên kết kể trên Công ty còn đầu tư tài chính dài hạn vào 02 công ty sau:

TT	Tên Công ty	Vốn góp đến 31/03/2010	Tỷ lệ góp vốn (%)
1	Công ty TNHH Vận tải và Xếp dỡ Hải An	3.000.000.000	3,3%
2	Công ty Cổ phần Cảng Quốc tế Sao Biển	900.000.000	10,0%
	<b>Tổng cộng</b>	<b>3.900.000.000</b>	

Nguồn: Báo cáo kiểm toán năm 2007, 2008, 2009 và BCTC Quý 1/2010

#### h. Tổng dư nợ vay

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2007	Năm 2008	Năm 2009	Quý 1 năm 2010
Vay ngắn hạn	1.685	1.705	0	0
Vay dài hạn đến hạn	0	0	0	0
Vay dài hạn	9.500	993	0	973

Nguồn: Báo cáo kiểm toán hợp nhất năm 2007, 2008, 2009 và BCTC Quý 1/2010

#### i. Tình hình công nợ hiện nay

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2007	Năm 2008	Năm 2009	Quý 1 năm 2010
<b>Nợ phải thu</b>	<b>12.957</b>	<b>32.240</b>	<b>24.940</b>	<b>34.303</b>
Phải thu của khách hàng	12.245	18.422	16.460	22.777
Trả trước cho người bán	242	165	15	36
Các khoản phải thu khác	470	13.653	8.465 (*)	11.490
Dự phòng phải thu khó đòi	0	0	0	0
<b>Nợ phải trả</b>	<b>14.855</b>	<b>11.575</b>	<b>8.190</b>	<b>14.454</b>
Vay và nợ ngắn hạn	1.685	1.706	0	0
Phải trả cho người bán	1.433	6.052	5.045	8.214
Người mua trả tiền trước	176	0	31	31
Thuế và các khoản phải nộp Nhà	1.215	1.171	2.680	3.000

Chỉ tiêu	Năm 2007	Năm 2008	Năm 2009	Quý 1 năm 2010
nước				
Phải trả người lao động	256	13	34	1.258
Chi phí phải trả	227	0	36	78
Phải trả nội bộ	0	0	0	0
Các khoản khác	157	1.360	137	673
Nợ dài hạn	9.707	1.273	227	1.200

Nguồn: Báo cáo kiểm toán hợp nhất năm 2007, 2008, 2009 và Quý 1/2010

(\*) Các khoản phải thu khác năm 2009: Công ty hạch toán phần tạm ứng cổ tức 10% (tạm ứng vào tháng 06/2009) và 5% (tạm ứng vào tháng 12/2009) căn cứ vào quyết định của HĐQT về việc tạm ứng cổ tức, và kế toán hạch toán định khoản: Nợ 1388 / Có 111.

Sau khi Đại hội cổ đông thường niên năm 2009 Công ty cổ phần Hải Minh tổ chức ngày 17/04/2010, quyết định mức cổ tức năm tài khóa 2009 là 20%, công ty đã hạch toán bù trừ khoản phải thu tạm ứng cổ tức trên như sau: Nợ 421/ Có 1388.

Công ty cam kết tại thời điểm 30/06/2010, khi tiến hành kiểm toán soát xét báo cáo tài chính bán niên năm tài khóa 2010, Công ty sẽ điều chỉnh và phản ánh các chỉ tiêu phải thu tạm ứng cổ tức, lợi nhuận chưa phân phối trong báo cáo tài chính đúng nội dung trình bày trên

Các khoản phải thu khác chủ yếu là các khoản phải thu về ứng trước cổ tức cho các cổ đông. Thời điểm cuối năm 2008, khoản phải thu về ứng trước cổ tức cho cổ đông là 11.233 triệu đồng chiếm khoảng 82,27% tổng số khoản phải thu khác. Cuối năm 2009, khoản phải thu khác của Công ty giảm xuống còn 8.466 triệu đồng, trong đó khoản phải thu về ứng trước cổ tức là 8.158 triệu đồng. Tất cả các khoản phải thu về ứng trước cổ tức này sẽ được tất toán sau khi được ĐHCĐ phê duyệt mức chi trả cổ tức.

#### **j. Lợi thế thương mại**

Công ty Cổ phần Hải Minh mua Hợp tác xã Công ty Nam Phát năm 2006 với tổng số tiền đầu tư là 24.500.000.000 đ, khoản chênh lệch giá mua 24.500.000.000đ và giá trị còn lại của Hợp tác xã Công ty Nam Phát tại thời điểm mua (năm 2006) là lợi thế thương mại (7.424.288.802 đồng) được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 10 năm vào chi phí quản lý trong báo cáo tài chính hợp nhất hàng

năm (Mỗi năm phân bổ 742.428.880 đồng). Tính đến 31/03/2010, giá trị lợi thế thương mại còn là 5.011.394.942 đồng

### 11.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2007	Năm 2008	Năm 2009
<b>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>				
- Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	7,24	4,56	7,24
- Hệ số thanh toán nhanh	Lần	7,19	4,54	7,21
<b>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>				
- Hệ số Nợ / Tổng nguồn vốn	Lần	0,14	0,09	0,06
- Hệ số Nợ / Vốn chủ sở hữu	Lần	0,17	0,09	0,06
<b>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>				
- Vòng quay hàng tồn kho	Lần	239,53	326,74	333,88
- Doanh thu thuần/Tổng tài sản	Lần	0,78	0,77	0,77
<b>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>				
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế / Doanh thu thuần	%	25,93	32,00	24,37
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế / Vốn chủ sở hữu	%	24,90	27,74	20,66
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế / Tổng tài sản (ROA)	%	20,29	24,54	18,76
- Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh / Doanh thu thuần	%	12,85	10,89	13,58

Nguồn: Báo cáo Kiểm toán hợp nhất năm 2007, 2008, 2009 và Quý 1/2010

### 12. Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng

TT	Họ và tên	Chức vụ
<b>I</b>	<b>Hội đồng quản trị</b>	
1	Ông Nguyễn Quốc Hùng	Chủ tịch HĐQT

TT	Họ và tên	Chức vụ
2	Ông Phùng Văn Quang	Phó chủ tịch HĐQT
3	Ông Nguyễn Thành Chương	Thành viên HĐQT
4	Ông Nguyễn Văn Hà	Thành viên HĐQT
5	Ông Nguyễn Trung Kiên	Thành viên HĐQT
6	Bà Nguyễn Mỹ Hải	Thành viên HĐQT
<b>II</b>	<b>Ban Giám đốc</b>	
1	Ông Nguyễn Thành Chương	Giám đốc
<b>III</b>	<b>Ban Kiểm soát</b>	
1	Ông Nguyễn Thế Quân	Trưởng BKS
2	Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy	Thành viên BKS
3	Ông Triệu Đình Trung	Thành viên BKS
<b>IV</b>	<b>Kế toán trưởng</b>	
1	Nguyễn Thế Hưng	Kế toán trưởng

### 12.1. Hội đồng quản trị

#### a. Ông Nguyễn Quốc Hùng - Chủ tịch Hội đồng Quản trị

- Họ và tên : **NGUYỄN QUỐC HÙNG**
- Số CMND : 020137716, ngày cấp: 12/30/2003, nơi cấp: TP. HCM
- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh: 30/08/1954
- Nơi sinh : TP. HCM
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : TP. HCM
- Địa chỉ thường trú : 82 Đường số 2, Khu phố 3, P.Thảo Điền, Q.2, TP. HCM
- Số điện thoại liên lạc : (08) 3822 1838 - 090 394 1409

- Trình độ văn hoá : Tiến sỹ
- Trình độ chuyên môn: Tiến sỹ Cơ khí - Khai thác hàng hải, trường Đại học Hàng Hải ODESSA
- Quá trình công tác:
  - + Năm 1977 – năm 1989 : Phó chủ nhiệm Bộ môn Máy xếp dỡ Đại học Bách Khoa TP. HCM;
  - + Năm 1989 – năm 1995 : Trưởng bãi Container Công ty GERMATRANS;
  - + Năm 1996 – năm 2007 : Chuyên viên – Giám đốc Chi nhánh Hồ Chí Minh Công ty VIMADECO – VINABRIDGE;
  - + Năm 2007 – T4/2009 : Tổng Giám đốc Công ty TNHH “K” Line Việt Nam.
  - + Năm 2005- nay Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Hải Minh
- Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức đăng ký niêm yết: Chủ tịch HĐQT
- Chức vụ công tác tại tổ chức khác: Không có
- Số lượng cổ phần nắm giữ: 135.116 cổ phần. Trong đó:
  - + Sở hữu cá nhân: 135.116 cổ phần
  - + Được ủy quyền: 0 cổ phần
- Những người có liên quan:
  - + Vợ: Nguyễn Thị Huệ Số cổ phần nắm giữ: 41.132 cổ phần
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với công ty: Không có

**b. Ông Phùng Văn Quang – Phó chủ tịch Hội đồng Quản trị**

- Họ và tên : **PHÙNG VĂN QUANG**
- Số CMND : 030205407, ngày cấp: 24/8/1995, nơi cấp: Hải Phòng
- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh: 19/01/1952
- Nơi sinh : Hải Phòng
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh

- Quê quán : Hoàng Động – Thủy Nguyên - Hải Phòng
- Địa chỉ thường trú : 32 Hoàng Văn Thụ, TP. Hải Phòng
- Trình độ văn hóa : Đại học
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư kinh tế vận tải biển trường đại học Giao thông thủy và bằng chính trị cao cấp Học viện Chính trị Hồ Chí Minh
- Quá trình công tác:
  - + Năm 1980 – năm 1990 : Phó phòng Kế hoạch Cục Hàng hải Việt Nam;
  - + Năm 1990 – năm 1996 : Giám đốc Chi nhánh Công ty Gematrans HPG;
  - + Năm 1996 – nay : Giám đốc Công ty liên doanh khai thác Container Việt Nam (Vinabridge).
- Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức niêm yết: Phó chủ tịch HĐQT
- Chức vụ công tác tại tổ chức khác: Giám đốc Công ty liên doanh khai thác Container Việt Nam (Vinabridge)
- Số lượng cổ phần nắm giữ: 109.241 cổ phần. Trong đó:
  - + Sở hữu cá nhân: 109.241 cổ phần
  - + Được ủy quyền: 0 cổ phần
- Những người có liên quan:
  - + Vợ: Phạm Thị Liên Số cổ phần nắm giữ: 62.141 cổ phần
  - + Con gái: Phùng Thị Thu Huyền Số cổ phần nắm giữ: 31.991 cổ phần
  - + Con trai: Phùng Tuấn Anh Số cổ phần nắm giữ: 28.875 cổ phần
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với công ty: Không có

**c. Ông Nguyễn Thành Chương – Thành viên Hội đồng Quản trị**

- Họ và tên : **NGUYỄN THÀNH CHƯƠNG**
- Số CMND : 024838097, ngày cấp: 26/09/2007, nơi cấp: TP.HCM
- Giới tính : Nam

- Ngày tháng năm sinh: 12/12/1977
- Nơi sinh : Bình Định
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Nhơn Hậu, An Nhơn, Bình Định
- Địa chỉ thường trú : 485/7/43B Quang Trung, P.10, Gò Vấp, TP. HCM
- Số điện thoại liên lạc : (08) 3822 1838
- Trình độ văn hoá : Cao học
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Hệ thống thông tin trường Solvay Business – Belgium; Tốt nghiệp khoa Kinh tế đối ngoại Trường đại học Ngoại thương và bằng cao cấp nghiệp vụ ngân hàng chuyên ngành tài chính trường Học viện Ngân hàng.
- Quá trình công tác:
  - + 1999 – T06/2006 : Nhân viên khai thác Công ty Công ty liên doanh khai thác Container Việt Nam (Vinabridge)
  - + T06/2006 – T07/2007 : Phó Giám Đốc Công ty Cổ phần Hải Minh;
  - + T7/2007 – nay : Giám đốc Công ty Cổ phần Hải Minh
- Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức đăng ký niêm yết: Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc
- Chức vụ công tác tại tổ chức khác: không có
- Số lượng cổ phần nắm giữ: 98.125 cổ phần. Trong đó:
  - + Sở hữu cá nhân: 98.125 cổ phần
  - + Được ủy quyền: 0 cổ phần
- Những người có liên quan:
  - + Anh: Nguyễn Thành Văn Số cổ phần nắm giữ: 3.000 cổ phần
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với công ty: Không có

**d. Ông Nguyễn Văn Hà – Thành viên Hội đồng Quản trị**

- Họ và tên : **NGUYỄN VĂN HÀ**



- Số CMND : 023500826, ngày cấp: 11/09/2009, nơi cấp: TP.HCM.
- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh: 14/10/1967
- Nơi sinh : Xã Châu Lộc, Hậu Lộc, Thanh Hóa
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Xã Triệu Độ, H.Triệu Phong, T.Quảng Trị
- Địa chỉ thường trú : 28/3 Huỳnh Văn Bánh, P. 25, Q. Phú Nhuận, TP. HCM
- Số điện thoại liên lạc : (08) 3822 3756
- Trình độ văn hoá : Đại học
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Kinh tế Vận tải Biển Trường đại học Hàng Hải
- Quá trình công tác:
  - + Năm 10/1991 –T3/2000 : Trưởng phòng đại lý “K” line- Công ty LD GEMATTRANS;
  - + T4/2000 – T3/2007 : Trưởng phòng Kinh doanh thị trường Công ty liên doanh khai thác Container Việt Nam (Vinabridge) ;
  - + T4/2007 – nay : Phó Tổng Giám đốc Công ty TNHH “K” LINE VIỆT NAM
- Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức đăng ký niêm yết: Thành viên HĐQT
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Phó Tổng Giám đốc Công ty TNHH “K” LINE VIỆT NAM kiêm Giám đốc Thị trường và Khai thác Công ty TNHH “K” Line Việt Nam
- Số lượng cổ phần nắm giữ: 137.968 cổ phần. Trong đó:
  - + Sở hữu cá nhân: 137.968 cổ phần
  - + Được ủy quyền: 0 cổ phần
- Những người có liên quan:
  - + Vợ: Nguyễn Thị Thu Hạnh Số cổ phần nắm giữ: 22.851 cổ phần
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có

- Quyền lợi mâu thuẫn với công ty: Không có

**e. Ông Nguyễn Trung Kiên – Thành viên Hội đồng Quản trị**

- Họ và tên : **NGUYỄN TRUNG KIÊN**
- Số CMND : 030897110, ngày cấp: 12/8/2004, nơi cấp: Hải Phòng
- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 25/07/1962
- Nơi sinh : Hải Phòng
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Xã Xuân Trung, H. Xuân Trường, T.Nam Định
- Địa chỉ thường trú : 1A/40C An Đà, Phường Lạch Tray, TP. Hải Phòng
- Số điện thoại liên lạc : (031) 3826 790
- Trình độ văn hoá : 10/10
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân khoa học chuyên ngành vật lý Trường đại học Sư phạm Hà Nội II, Cao cấp lý luận chính trị Trường học viện chính trị quốc gia.
- Quá trình công tác:
  - + Năm 1992 – T5/1996 : Nhân viên khai thác Chi nhánh Cty LD Gematrans Hải Phòng;
  - + T6/1996 – T6/2008 : Trưởng bãi container Công ty liên doanh khai thác Container Việt Nam (Vinabridge);
  - + T6/2008 – nay : Phó giám đốc Công ty liên doanh khai thác Container Việt Nam
- Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức đăng ký niêm yết: Thành viên HĐQT
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Phó Giám đốc Công ty liên doanh khai thác Container Việt Nam
- Số lượng cổ phần nắm giữ: 116.406 cổ phần. Trong đó:
  - + Sở hữu cá nhân: 116.406 cổ phần
  - + Được ủy quyền: 0 cổ phần

- Những người có liên quan:
  - + Vợ: Nguyễn Mai Trinh Số cổ phần nắm giữ: 26.562 cổ phần
  - + Em: Nguyễn Thị Minh Hậu Số cổ phần nắm giữ: 25.937 cổ phần
  - + Em Nguyễn Thị Minh Hương Số cổ phần nắm giữ: 13.710 cổ phần
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với công ty: Không có

**f. Bà Nguyễn Mỹ Hải – Thành viên Hội đồng Quản trị**

- Họ và tên : **NGUYỄN MỸ HẢI**
- Số CMND : 030204115, ngày cấp: 12/24/2004, nơi cấp: Hải Phòng
- Giới tính : Nữ
- Ngày tháng năm sinh: 12/09/1954
- Nơi sinh : Hải Phòng
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Hàng Kênh, Lê Chân, Hải Phòng
- Địa chỉ thường trú : 1B/72 Nguyễn Công Trứ, P.Hàng Kênh, Q.Lê Chân, TP. Hải Phòng
- Số điện thoại liên lạc : (031) 3979 987
- Trình độ văn hoá : 10/10
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Kinh tế Vận tải Biển Trường đại học Hàng Hải
- Quá trình công tác:
  - + Năm 1978 – năm 1990 : Chuyên viên kế toán Cục Hàng hải Việt Nam;
  - + Năm 1991 – T3/1996 : Trưởng phòng kinh doanh Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam;
  - + T4/1996 – T10/2009 : Kế toán trưởng Công ty liên doanh khai thác Container Việt Nam
  - + T10/2009 – nay : Giám đốc Chi nhánh Công ty tiếp vận Hoàng Nam tại Hải Phòng
- Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức đăng ký niêm yết: Thành viên HĐQT

- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Giám đốc Chi nhánh Công ty tiếp vận Hoàng Nam tại Hải Phòng
- Số lượng cổ phần nắm giữ: 130.116 cổ phần. Trong đó:
  - + Sở hữu cá nhân: 130.116 cổ phần
  - + Được ủy quyền: 0 cổ phần
- Những người có liên quan:
  - + Con: Châu Quang Khánh                      Số cổ phần nắm giữ: 10.000 cổ phần
  - + Con: Châu Mỹ Linh                              Số cổ phần nắm giữ: 64.041 cổ phần
  - + Em: Nguyễn Hữu Xương                        Số cổ phần nắm giữ: 34.991 cổ phần
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với công ty: Không có

## **12.2. Ban Giám đốc**

### **a. Ông Nguyễn Thành Chương - Giám đốc**

(Xin xem phần 12.1 mục c)

## **12.3. Ban Kiểm soát**

### **a. Ông Nguyễn Thế Quân - Trưởng Ban kiểm soát**

- Họ và tên                      : **NGUYỄN THẾ QUÂN**
- Số CMND                      : 024614413, ngày cấp: 10/3/2006, nơi cấp: TP.HCM
- Giới tính                        : Nam
- Ngày tháng năm sinh: 26/8/1970
- Nơi sinh                        : Kim Thành, Hải Dương
- Quốc tịch                       : Việt Nam
- Dân tộc                         : Kinh
- Quê quán                      : Thăng Long, Kinh Môn, Hải Dương
- Địa chỉ thường trú        : 570 Bis Bùi Đình Túy, P. 12, Q Bình Thạnh, TP. HCM
- Số điện thoại liên lạc : 0903 737 575
- Trình độ văn hoá         : Đại học
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Kinh tế vận tải biển Trường đại học Hàng Hải

- Quá trình công tác:
  - + Năm 1992 – năm 2000 : Nhân viên Công ty Gemartrans;
  - + Năm 2000 – năm 2007 : Trưởng phòng Công ty liên doanh khai thác Container Việt Nam;
  - + Năm 2007 – nay : Giám đốc chi nhánh Công ty liên doanh khai thác Container Việt Nam
- Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức đăng ký niêm yết: Trưởng Ban kiểm soát
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Giám đốc chi nhánh Công ty liên doanh khai thác Container Việt Nam
- Số lượng cổ phần nắm giữ: 104.406 cổ phần. Trong đó:
  - + Sở hữu cá nhân: 104.406 cổ phần
  - + Được ủy quyền: 0 cổ phần
- Những người có liên quan:
  - + Mẹ: Phạm Thị Ngọc Vân Số cổ phần nắm giữ: 10.781 cổ phần
  - + Vợ: Đinh Kim Quy Số cổ phần nắm giữ: 22.876 cổ phần
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với công ty: Không có

**b. Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy – Thành viên Ban kiểm soát**

- Họ và tên : **NGUYỄN THỊ THANH THỦY**
- Số CMND : 024718082 ngày cấp 17/04/2007, nơi cấp TP.HCM.
- Giới tính : Nữ
- Ngày tháng năm sinh: 23/04/1975
- Nơi sinh : Thanh Hóa
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Thanh Thủy, Tỉnh Gia, Thanh Hóa
- Địa chỉ thường trú : 263/11 Nguyễn Văn Đậu, P.11, Q.Bình Thạnh, TP. HCM

- Số điện thoại liên lạc : (08) 3829 7457
- Trình độ văn hoá : Đại học
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính Kế toán Trường đại học Kinh tế TP.HCM
- Quá trình công tác:
  - + Năm 1997 – năm 2007 : Phụ trách bộ phận kế toán Công ty Công ty liên doanh khai thác Container Việt Nam - Chi nhánh TP. HCM
  - + Năm 2007 – nay : Trưởng phòng Kế toán Công ty liên doanh khai thác Container Việt Nam - Chi nhánh TP. HCM
- Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức đăng ký niêm yết: Thành viên Ban kiểm soát
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Trưởng phòng Kế toán Công ty liên doanh khai thác Container Việt Nam - Chi nhánh TP. HCM
- Số lượng cổ phần nắm giữ: 98.281 cổ phần. Trong đó:
  - + Sở hữu cá nhân: 98.281 cổ phần
  - + Được ủy quyền: 0 cổ phần
- Những người có liên quan:
  - + Em: Nguyễn Hoàng Thắng Số cổ phần nắm giữ: 17.851 cổ phần
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với công ty: Không có

**c. Ông Triệu Đình Trung – Thành viên Ban kiểm soát**

- Họ và tên : **TRIỆU ĐÌNH TRUNG**
- Số CMND : 030931369, ngày cấp: 25/04/2009, nơi cấp: TP.HCM
- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh: 06/01/1974
- Nơi sinh : Vĩnh Phú
- Quốc tịch : Việt Nam

- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Ninh Giang, Hải Hưng
- Địa chỉ thường trú : 37A/174 Phố Đội Cấn, Quận Ba Đình, Hà Nội
- Số điện thoại liên lạc : (04) 3775 6736
- Trình độ văn hoá : Đại học
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Thương mại và Marketing Trường đại học Kinh tế quốc dân Hà Nội
- Quá trình công tác:
  - + Năm 1995 – T4/1997 : Trợ lý phòng kinh doanh Công ty dầu khí Đại Hai;
  - + T5/1997 – T3/2007 : Kế toán viên Công ty liên doanh khai thác Container Việt Nam;
  - + T4/2007 – nay : Kế toán trưởng Công ty TNHH “K” Line (Vietnam)
- Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức đăng ký niêm yết: Thành viên Ban kiểm soát
- Chức vụ công tác tại tổ chức khác: Kế toán trưởng Công ty TNHH “K” Line (Vietnam)
- Số lượng cổ phần nắm giữ: 55.702 cổ phần. Trong đó:
  - + Sở hữu cá nhân: 55.702 cổ phần
  - + Được ủy quyền: 0 cổ phần
- Những người có liên quan:
  - + Em: Triệu Thanh Hải Số cổ phần nắm giữ: 3.000 cổ phần
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với công ty: Không có

#### **12.4. Kế toán trưởng**

##### **a. Ông Nguyễn Thế Hưng – Kế toán trưởng**

- Họ và tên : **NGUYỄN THẾ HƯNG**
- Số CMND : 024897269, ngày cấp: 10/12/2008, nơi cấp: TP.HCM

- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh: 16/10/1973
- Nơi sinh : Hải Phòng
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Xã Mỹ Đông, H.Thủy Nguyên, TP.Hải Phòng
- Địa chỉ thường trú : 363/11 Huỳnh Tấn Phát, Khu phố 7, Nhà Bè, TP. HCM
- Số điện thoại liên lạc : (08) 3914 6395
- Trình độ văn hoá : Đại học
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán Doanh nghiệp Trường Đại học Thương mại.
- Quá trình công tác:
  - + Năm 2002 – nay : Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Hải Minh
- Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức đăng ký niêm yết: Kế toán trưởng
- Chức vụ công tác tại tổ chức khác: Không có
- Số lượng cổ phần nắm giữ: 60.250 cổ phần. Trong đó:
  - + Sở hữu cá nhân: 60.250 cổ phần
  - + Được ủy quyền: 0 cổ phần
- Những người có liên quan: Không có
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với công ty: Không có

### **13. Tài sản**

#### **13.1. Tài sản cố định hữu hình**

Giá trị tài sản cố định hữu hình của Công ty tại thời điểm 31/03/2010 bao gồm:

*Đơn vị tính: triệu đồng*

<b>TT</b>	<b>Tài sản cố định hữu hình</b>	<b>Nguyên giá</b>	<b>Hao mòn lũy kế</b>	<b>Giá trị còn lại</b>	<b>Tỷ lệ còn lại (%)</b>
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	15.525	4.072	11.453	73,77



TT	Tài sản cố định hữu hình	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại	Tỷ lệ còn lại (%)
2	Máy móc thiết bị	7.631	3.424	4.207	55,13
3	Phương tiện vận tải truyền dẫn	42.632	12.231	30.400	71,31
4	Thiết bị dụng cụ quản lý	603	523	80	13,26
5	TSCĐ khác	2.086	616	1.470	70,47
	<b>Tổng cộng</b>	68.476	20.866	47.610	

Nguồn: CTCP Hải Minh

### 13.2. Tài sản cố định vô hình

Giá trị tài sản cố định vô hình của Công ty tại thời điểm 31/03/2010 bao gồm:

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Tài sản cố định vô hình	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại	Tỷ lệ còn lại (%)
1	Quyền sử dụng đất	1.120	0	1.120	100
2	Phần mềm máy vi tính	17	14	3	17,65
3	Tài sản cố định vô hình khác	0	0	0	
	<b>Tổng cộng</b>	1.137	14	1.123	

Nguồn: CTCP Hải Minh

### 13.3. Danh sách các bất động sản của Công ty

Văn phòng và một số nhà xưởng chính Công ty được phản ánh chi tiết trong bảng sau:

TT	Tên đối tượng sử dụng đất đã kiểm tra	Địa chỉ	Diện tích đất quản lý (m <sup>2</sup> )	Thời hạn sử dụng
1	Bãi container	Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, Hải Phòng	20.330,03	30 năm từ 15/11/ 2000
2	Đất thổ cư	Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, Hải Phòng	80	Lâu dài

TT	Tên đối tượng sử dụng đất đã kiểm tra	Địa chỉ	Diện tích đất quản lý (m <sup>2</sup> )	Thời hạn sử dụng
3	Đất thổ cư	Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, Hải Phòng	80	Lâu dài

Nguồn: CTCP Hải Minh

#### 14. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

##### 14.1. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Để thực hiện kế hoạch lợi nhuận và chiến lược phát triển của Công ty trong thời gian tới, Công ty phải tiếp tục mở rộng quy mô hoạt động, đầu tư xây dựng cơ bản cho các mảng hoạt động chính như kho bãi, góp vốn liên doanh liên kết.

Ngoài việc sử dụng đòn bẩy tài chính, HẢI MINH có kế hoạch tăng vốn điều lệ để đáp ứng nhu cầu vốn trong tương lai. Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2009 của HẢI MINH ngày 17/04/2010 đã thông qua kế hoạch tăng vốn trong năm 2010. Đẩy nhanh tiến độ đăng ký niêm yết chứng khoán tại SGDCK Hà Nội

Việc xây dựng kế hoạch doanh thu, lợi nhuận cho các năm sau được tính dựa trên tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh thực tế của Công ty. Công ty sẽ dành phần lợi nhuận còn lại để thực hiện tái đầu tư, duy trì khả năng tăng trưởng và hiệu quả hoạt động trong tương lai.

##### 14.2. Kết quả kinh doanh dự kiến của toàn Công ty

Kết quả kinh doanh dự kiến giai đoạn năm 2010 – năm 2012 của Công ty như sau:

Chỉ tiêu tài chính	Đơn vị tính	Năm 2010	% tăng/giảm 2010/2009	Năm 2011	% tăng/giảm 2011/2010	Năm 2012	% tăng/giảm 2012/2011
Vốn điều lệ	Triệu đồng	105.000	186%	105.000	0%	105.000	0%
Doanh thu thuần	Triệu đồng	112.500	2%	120.000	10,60%	130.000	10,83%
Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	25.800	-4%	29.000	11,24%	33.000	11,38%
Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế/ Doanh	%	22,93	-1,4%	24,16	1,23%	25,38	1,22%

Chỉ tiêu tài chính	Đơn vị tính	Năm 2010	% tăng/giảm 2010/2009	Năm 2011	% tăng/giảm 2011/2010	Năm 2012	% tăng/giảm 2012/2011
thu thuần							
Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế/ Vốn điều lệ	%	24,57	-23,49%	27,61	3,04%	31,42	3,81%
Tỷ lệ cổ tức	%	15	-5%	15	0%	15	0%

Nguồn: CTCP Hải Minh

## 15. Căn cứ để đạt được kế hoạch lợi nhuận và cổ tức nói trên

Dựa trên tình hình sản xuất kinh doanh thực tế và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh Công ty đã đạt được khi kết thúc năm 2009, Công ty đã xây dựng các giải pháp để tiếp tục thực hiện các mục tiêu theo kế hoạch 2010 với từng nhiệm vụ cụ thể như sau:

### 15.1. Công tác tổ chức, quản lý

- Tiếp tục kiện toàn cơ cấu tổ chức và nhân sự phù hợp với đặc điểm hoạt động của công ty cổ phần; giải thể, sáp nhập các bộ phận hoạt động không có hiệu quả. Tăng cường công tác đào tạo và tái đào tạo cho CBCNV.
- Tuyển dụng bổ sung các cán bộ có năng lực chuyên môn và kinh nghiệm cho những dự án đang được triển khai như: bãi container rộng tại khu vực TP. HCM, Hải Phòng, thành lập liên doanh với Dong Bu Express ...
- Bổ sung và hoàn thiện các quy chế quản lý phù hợp với hoạt động của Công ty cổ phần như: Quy chế tài chính; Quy chế quản lý và sử dụng tài sản; Quy chế lương, thưởng; Quy chế đào tạo, tuyển dụng; Đổi mới công tác xây dựng kế hoạch ... theo hướng linh hoạt, tạo điều kiện và tăng tính chủ động cho các đơn vị trực thuộc trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

### 15.2. Công tác huy động vốn và niêm yết cổ phiếu trên sàn Giao dịch Chứng khoán.

- Phát hành cổ phiếu tăng vốn theo đúng nội dung và lộ trình trong phương án huy động vốn đã được thông qua tại Đại hội Cổ đông của Công ty vào ngày 17/04/2010.

- Hoàn tất các thủ tục cần thiết để thực hiện niêm yết cổ phiếu của Công ty tại SGDCK Thành phố Hà Nội vào Quý 3 năm 2010.

### **15.3. Công tác quản lý và khai thác hệ thống cơ sở vật chất, trang thiết bị**

- Rà soát, đánh giá nhu cầu và khả năng sử dụng hệ thống cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện có. Thực hiện bán, khoán hoặc cho thuê những tài sản không phù hợp với nhu cầu sử dụng, hoặc sử dụng không hiệu quả.
- Đầu tư thêm các phương tiện hỗ trợ khác để nâng cao hiệu quả sử dụng tài sản.

### **15.4. Hoạt động sản xuất kinh doanh**

#### **a. Hoạt động vận tải thủy**

- Triển khai đồng bộ và tổng thể các hợp đồng đã ký kết dịch vụ vận chuyển hàng hóa chuyên tuyến TP. HCM – Phnom Penh;
- Tiếp tục thực hiện đề án cải tiến chất lượng cung cấp dịch vụ, tăng cường khả năng cạnh tranh, tạo tiền đề phát triển thị trường cung cấp dịch vụ trong giai đoạn tiếp theo;
- Tập trung công tác phát triển thị trường, triển khai công tác cung cấp dịch vụ tuyến trung chuyển container Hồ Chí Minh - Thị Vải Cái Mép. Đây là lĩnh vực có tiềm năng khai thác rất lớn trong vận tải container khu vực phía Nam. Hiện nay nhu cầu vận chuyển hàng xuất nhập từ khu vực TP. HCM đến Thị vải, Cái Mép là rất lớn, hiện tại các hãng tàu lớn như “K” Line, YangMing, COSCO, Hanjin, MOL, Wanhai ... đều đã đưa tàu vào khu vực này, dự kiến sản lượng chiếm khoảng 40% tổng lượng hàng xuất nhập thông qua khu vực phía Nam tương đương khoảng 1,2 triệu TEUs/năm. Bên cạnh đó, cảng SPCT của tập đoàn Dubai tại khu vực Hiệp Phước cũng chuẩn bị đưa vào hoạt động và nhu cầu trung chuyển sà lan từ các ICD ra cảng và ngược lại dự kiến khoảng 300.000 TEUs/năm. Trong thời gian tới, Công ty sẽ tập trung nguồn lực đẩy mạnh khai thác tuyến vận tải trên.
- Nghiên cứu kỹ và trình phương án, kế hoạch đầu tư thêm một sà lan 126 TEUs trong thời gian tới. Công ty hiện sở hữu 04 sà lan tương đương 252 TEUs đang khai thác tuyến vận chuyển TP.HCM - PhnomPenh và vận chuyển hàng hóa nội địa, hàng trung chuyển TP.HCM - Cái Mép (Bà Rịa – Vũng Tàu) do vậy

cần thiết phải đầu tư thêm nhiều sà lan hơn nữa mới có thể tham gia sâu vào lĩnh vực này.

- Rà soát và thực hành triệt để tiết kiệm chi phí vận hành sà lan, phương án sử dụng nhân lực, công tác điều độ... để phát huy hiệu quả bộ phận tải thủy, góp phần vào sự phát triển đồng bộ của Công ty.

**b. Hoạt động vận tải bộ**

- Tập trung phát triển khách hàng mới tại các khu vực có nhu cầu vận chuyển cao như Bình Dương, Hà Nội, Đồng Nai, Bà Rịa - Vũng tàu...
- Xây dựng quy trình chuẩn trong công tác vận chuyển, giao nhận hàng hóa bằng đường bộ.
- Đầu tư thêm thiết bị phụ trợ như romooc để nâng cao hiệu quả khai thác.

**c. Hoạt động khai thác kho bãi**

- Đẩy mạnh thực hiện phương án đầu tư mở rộng diện tích kinh doanh kho bãi tại khu vực TP. HCM và Hải Phòng. Đây được xác định là lĩnh vực hoạt động cốt lõi mang lại hiệu quả cao cho Công ty trong thời gian vừa qua và trong tương lai.
- Hiện nay tại khu vực TP. HCM, công ty đang khai thác bãi container Hải Minh Rạch Chiếc với diện tích khá nhỏ khoảng 10.000 m<sup>2</sup> và thuê lại phần mặt bằng của Công ty Xây dựng 14, tuy nhiên, do tính ổn định không cao nên việc đầu tư 01 bãi container rộng tại khu vực lân cận TP. HCM là hết sức cần thiết nhằm giữ vững mảng dịch vụ này. Hiện nay Ban giám đốc Công ty đang xúc tiến với một số đối tác để tiến hành mua đất hoặc hợp tác cùng khai thác trên cơ sở thành lập pháp nhân mới.
- Tại khu vực Hải Phòng, hiện đang khai thác 01 ICD Nam Phát (diện tích 2,3 ha) và 02 bãi container rộng (bãi PISD và Hải Minh 128 tại khu vực Đình Vũ), diện tích hơn 3 ha thuê của các đơn vị bên ngoài với tổng chi phí hơn 3 tỷ đồng/năm. Từ quý 2 năm 2009, các bãi container luôn đối diện với tình trạng quá tải và phải điều chuyển vỏ rỗng về các nơi khác. Do đó, Công ty đang xúc tiến tìm kiếm tại khu vực Đình Vũ để có thể đầu tư thêm bãi container và đây là cơ hội lớn cho công ty để sở hữu bãi rộng.

**d. Hoạt động dịch vụ đại lý hàng hải, hãng tàu, giao nhận...**

- Tiếp tục hoàn thiện, nâng cao quy trình thủ tục đại lý hàng hải, giao nhận chứng từ, đáp ứng trong thời gian nhanh nhất dịch vụ cho khách hàng.
- Bổ sung nhân lực phục vụ cho nhu cầu phát triển của mảng dịch vụ đại lý
- Tìm kiếm mở rộng mạng lưới đại lý, khách hàng ...

**15.5. Các dự án đầu tư khác**

Công ty Tiếp vận Nam Phát trực thuộc Công ty (Công ty sở hữu hơn 96%) đang sở hữu khu đất 2 ha tại khu vực Đình Vũ, Hải Phòng. Hiện tại, nhóm công ty đang thuê ngoài toàn bộ diện tích văn phòng với chi phí khoảng 30 triệu đồng/tháng.

Nhằm tận dụng diện tích đất đang sở hữu và cắt giảm bớt chi phí thuê ngoài, HĐQT trình và ĐHĐCĐ đã phê duyệt chủ trương xây dựng tòa nhà văn phòng khoảng 9 tầng trên diện tích mặt bằng khoảng 300 m<sup>2</sup>. Hiện nay đang trong quá trình thiết kế và xin giấy phép xây dựng.

**16. Kế hoạch phát hành tăng vốn điều lệ**

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ngày 17/04/2010, Cổ đông Công ty đã nhất trí thông qua phương án phát hành cổ phiếu thưởng tăng vốn điều lệ cụ thể như sau:

**a. Phát hành cổ phiếu thưởng từ nguồn thặng dư vốn cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 3:1**

- Vốn điều lệ đã góp: 56.163.800.000 đồng
- VDL tương ứng với cổ phần phổ thông: 54.387.900.000 đồng
- Thặng dư vốn do phát hành cổ phần: 19.339.670.000 đồng
- Loại cổ phiếu phát hành: cổ phiếu phổ thông
- Mệnh giá: 10.000 đ/cổ phần
- Số lượng cổ phần phát hành: 1.812.930 cổ phần
- Nguồn vốn phát hành: Dùng nguồn thặng dư vốn phát hành cổ phần
- Đối tượng phát hành: Cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông Công ty Cổ phần Hải Minh có tên trên danh sách vào ngày đăng ký cuối cùng để hưởng quyền. Ngày đăng ký cuối cùng sẽ được Hội đồng quản trị thông báo sau khi hoàn tất thủ tục đăng ký với UBCK nhà nước.

- Nguyên tắc phát hành: Cổ đông sở hữu 03 cổ phiếu sẽ được phân phối 01 cổ phiếu thưởng từ nguồn thặng dư phát hành cổ phiếu của công ty theo nguyên tắc làm tròn xuống. Số cổ phiếu lẻ (nếu có) sẽ được trả bằng tiền mặt tính theo mệnh giá.
- Thời gian phát hành: Sau khi hoàn tất thủ tục với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước vào thời điểm phù hợp do Hội đồng quản trị đề xuất.

**b. Phát hành cổ phần cho đối tác chiến lược, đối tượng khác**

- Loại cổ phần phát hành: cổ phần phổ thông
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần
- Số lượng cổ phần phát hành: 850.000 cổ phần
- Hình thức cổ phiếu: Chứng từ ghi sổ
- Giá chào bán: 15.000 đồng/cổ phần
- Thời điểm phát hành: Sau khi cổ phiếu của Công ty niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, Hội đồng quản trị sẽ xem xét, lựa chọn thời điểm thích hợp.
- Toàn bộ số tiền dự kiến thu được từ đợt phát hành cho các đối tượng trên là 12.750.000.000 đồng sẽ được sử dụng để đầu tư 01 bãi Container ở TP. Hồ Chí Minh.

**c. Phát hành cổ phần cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 5:2**

- Đối tượng phát hành:
- Cổ đông Công ty có tên trên danh sách vào ngày đăng ký cuối cùng. Ngày đăng ký cuối cùng sẽ được Hội đồng quản trị thông báo sau khi hoàn tất thủ tục đăng ký với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
- Nguyên tắc phát hành: Cổ đông sở hữu 05 cổ phần sẽ được quyền mua 02 cổ phần.
- Mệnh giá: 10.000 đồng/ cổ phần
- Giá phát hành: 10.000 đồng/ cổ phần
- Thời gian phát hành: Sau khi hoàn tất thủ tục với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước vào thời điểm phù hợp do Hội đồng quản trị đề xuất.

- Phương án sử dụng tiền thu được từ đợt phát hành: Toàn bộ số tiền dự kiến thu được từ đợt phát hành cho các đối tượng trên là 34.505.160.000 đồng sẽ được sử dụng để đầu tư 01 bãi Container ở TP. Hồ Chí Minh.

**17. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức của HẢI MINH**

HẢI MINH, với xu hướng phát triển trong các năm qua, sự phù hợp của các dự án Công ty đầu tư thực hiện với xu hướng phát triển của nền kinh tế, cùng với ưu thế về hệ thống nhân sự, bộ máy, cách thức quản lý, hạ tầng kỹ thuật, kinh nghiệm cũng như định hướng chiến lược, ... rất có khả năng thực hiện các kế hoạch về lợi nhuận và cổ tức trong các năm tới.

Chúng tôi lưu ý rằng nhận xét trên của chúng tôi chỉ có tính chất tham khảo đối với các quyết định đầu tư. Chúng tôi không hàm ý đảm bảo giá trị của chứng khoán cũng như tính chắc chắn của những số liệu được dự báo.

**18. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Tổ chức niêm yết**

Không có

**19. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả cổ phiếu niêm yết**

Không có



**V. CỔ PHIẾU NIÊM YẾT****1. Loại cổ phiếu**

Cổ phiếu phổ thông.

**2. Mệnh giá**

Mệnh giá cổ phiếu thống nhất là 10.000 đồng/cổ phần.

**3. Tổng số cổ phiếu đăng ký niêm yết**

Tổng số cổ phiếu đăng ký niêm yết là 5.438.790 cổ phiếu.

**4. Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của tổ chức đăng ký niêm yết****4.1. Hạn chế chuyển nhượng của cổ đông sáng lập**

Theo quy định tại Khoản 5 Điều 84 Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 thì “*Trong thời hạn ba năm, kể từ ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, cổ đông sáng lập có quyền tự do chuyển nhượng cổ phần phổ thông của mình cho các cổ đông sáng lập khác, nhưng chỉ được chuyển nhượng cổ phần phổ thông của mình cho người không phải là cổ đông sáng lập nếu được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Trong trường hợp này, cổ đông dự định chuyển nhượng cổ phần không có quyền biểu quyết về việc chuyển nhượng các cổ phần đó và người nhận chuyển nhượng đương nhiên trở thành cổ đông sáng lập của Công ty. Sau thời hạn 3 năm, kể từ ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, các hạn chế đối với cổ phần phổ thông của cổ đông sáng lập bị hủy bỏ*”. Công ty Cổ phần Hải Minh được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh ngày 24/01/2002, do đó, những hạn chế đối với cổ phần phổ thông của cổ đông sáng lập hiện không còn hiệu lực kể từ thời điểm 24/01/2005.

**4.2. Hạn chế chuyển nhượng của thành viên chủ chốt**

Theo quy định tại Điều 9 Nghị định số 14/2007/NĐ-CP Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng Khoán, các Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát và Kế toán trưởng phải cam kết nắm giữ 100% số cổ phiếu do mình sở hữu trong thời gian 6 tháng kể từ ngày niêm yết và 50% số cổ phiếu này trong thời gian 6 tháng tiếp theo, không tính số cổ phiếu thuộc sở hữu nhà nước do

các cá nhân trên đại diện nắm giữ. Theo đó, số cổ phần hạn chế chuyển nhượng đối với các thành viên chủ chốt của Hải Minh kể từ ngày niêm yết là 1.045.611 cổ phần.

**5. Phương pháp tính giá – giá sổ sách**

Dựa trên Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2008, 2009 và Quý 1/2010 của Công ty, Giá sổ sách của một cổ phiếu của Công ty vào thời điểm 31/12/2008, 31/12/2009 và 31/03/2010 được tính như sau:

Giá trị 1 cổ phần = Nguồn vốn chủ sở hữu / Tổng số cổ phần

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	31/12/2008	31/12/2009	31/03/2010
Tổng nguồn vốn chủ sở hữu (1)	Đồng	121.288.311.936	131.890.677.920	139.704.285.460
Quỹ khen thưởng phúc lợi (2)	Đồng	868.117.363	1.234.486.102	1.135.731.782
Vốn Chủ sở hữu (3) = (1) – (2)	Đồng	120.420.194.573	130.656.191.818	138.568.553.678
Số lượng Cổ phần đang lưu hành (4)	Cổ phần	5.616.380	5.616.380	5.616.380
<b>Giá trị 1 Cổ phần (5) = (3) / (4)</b>	<b>Đồng/ Cổ phần</b>	<b>21.441</b>	<b>23.264</b>	<b>24.672</b>

**6. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài**

Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty Cổ phần Hải Minh không quy định cụ thể giới hạn tỷ lệ nắm giữ đối với cổ đông là người nước ngoài. Vì vậy cổ đông là người nước ngoài có thể tham gia mua bán cổ phiếu của Công ty theo quy định của Pháp luật Việt Nam hiện hành. Theo quyết định số 55/2009/QĐ-TTg ngày 15/04/2009 của Thủ tướng Chính phủ về tỷ lệ tham gia của nhà đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam quy định: mức góp vốn, mua cổ phần của các nhà đầu tư nước ngoài ở doanh nghiệp Việt Nam tối đa bằng 49% vốn điều lệ của doanh nghiệp Việt Nam.

Tỷ lệ nắm giữ của các cổ đông là người nước ngoài tại HẢI MINH hiện nay là 3,17% (tính đến thời điểm 31/03/2010) và toàn bộ số cổ phần này là cổ phần ưu đãi cổ tức, thời gian ưu đãi tính từ ngày 15/02/2007 đến 15/02/2012.

**7. Các loại thuế có liên quan**

**7.1. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

HẢI MINH thuộc đối tượng chịu thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25% trên thu nhập chịu thuế. Năm 2009, công ty có được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp theo Thông tư số 03/2009/TT-BTC ngày 13/01/2009 .

**7.2. Thuế giá trị gia tăng**

Hiện nay, mức thuế suất thuế giá trị gia tăng áp dụng cho các loại hình dịch vụ của Công ty là 0%, 5%, 10%.

**7.3. Các loại thuế khác**

Hoạt động sản xuất kinh doanh của HẢI MINH cũng thuộc đối tượng chịu thuế của một số loại thuế khác theo quy định của pháp luật.

## VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN ĐẾN VIỆC NIÊM YẾT

### 1. Tổ chức tư vấn

#### CÔNG TY CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG ĐÔNG Á

##### Trụ sở chính

Trụ sở : 56 – 68 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, TP. HCM

Điện thoại : (08) 3821 8666 Fax: (08) 3914 4136

Website : [www.dag.vn](http://www.dag.vn)

Email : [dag@dag.vn](mailto:dag@dag.vn)

##### Chi nhánh tại Hà Nội

Địa chỉ : 57 Quang Trung, Quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội

Điện thoại : (04) 3944 5175 Fax: (04) 3944 5178

##### Chi nhánh Chợ Lớn

Địa chỉ : 110C Ngô Quyền, Quận 5, TP. HCM

Điện thoại : (08) 3853 9623 Fax: (08) 3853 9624

### 2. Tổ chức kiểm toán:

#### CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN D.T.L

Trụ sở : Lầu 5, Cao ốc Sài Gòn 3, 140 Nguyễn Văn Thủ, Quận 1, TP. HCM

Điện thoại : (08) 3827 5026 Fax: (08) 3827 5027

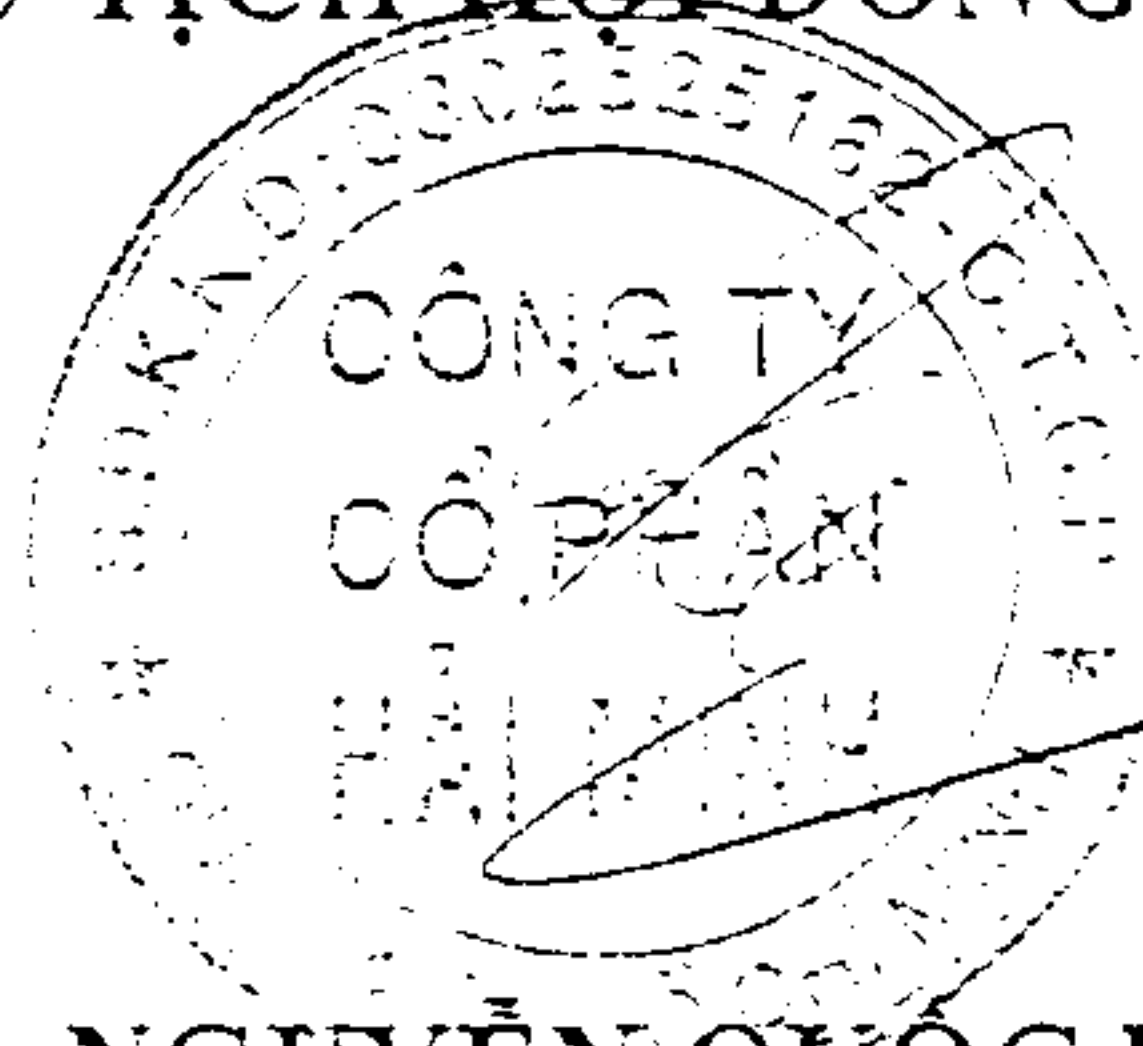
VII. PHỤ LỤC

- Phụ lục 1      Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh.
- Phụ lục 2      Điều lệ Công ty.
- Phụ lục 3      Báo cáo kiểm toán 2007, 2008; Báo cáo kiểm toán hợp nhất 2007, 2008, Báo cáo tài chính quý III/2009.
- Phụ lục 4      Quy chế Quản trị.
- Phụ lục 5      Danh sách và sơ yếu lý lịch thành viên HĐQT, BGD, BKS, KTT.

*Tp. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 07 năm 2010*

**CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH**

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



**NGUYỄN QUỐC HÙNG**

**GIÁM ĐỐC**

**KÊ TOÁN TRƯỞNG**

**TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT**

**NGUYỄN THÀNH CHƯƠNG**

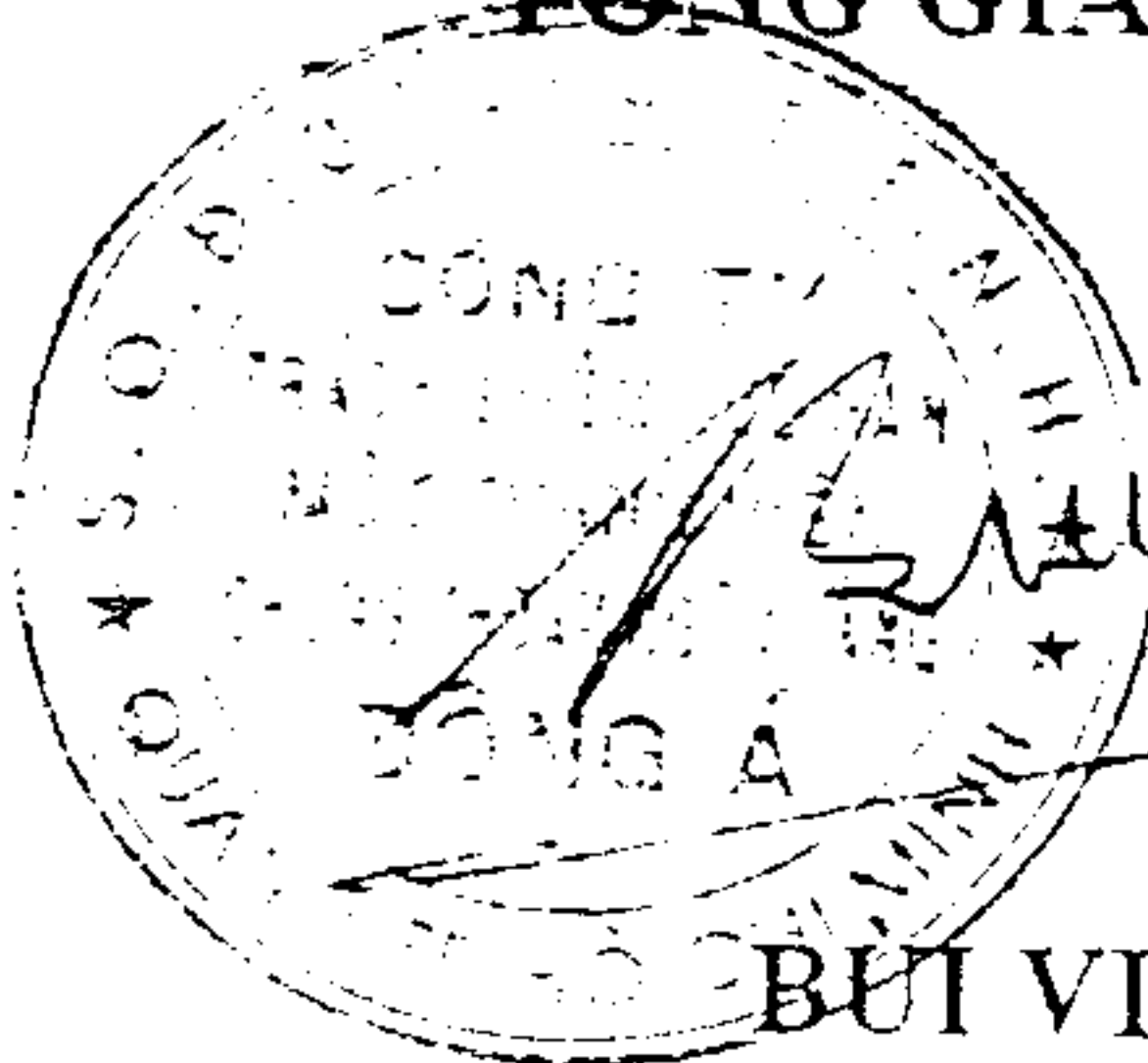
**NGUYỄN THẾ HÙNG**

**NGUYỄN THẾ QUÂN**

**TỔ CHỨC TƯ VẤN**

**CÔNG TY CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG ĐÔNG Á**

**TỔNG GIÁM ĐỐC**



**BUI VIỆT**